

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN DIỆU VŨ

**BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC  
AN TOÀN, VỆ SINH THỰC PHẨM  
THEO PHÁP LUẬT NƯỚC TA HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

Hà Nội, năm 2016

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN DIỆU VŨ

**BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC  
AN TOÀN, VỆ SINH THỰC PHẨM  
THEO PHÁP LUẬT NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. NGUYỄN HỮU CHÍ

Hà Nội, năm 2016

## LỜI CẢM ƠN

*Trước tiên tôi xin chân thành cảm ơn PGS.TS Nguyễn Hữu Chí đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận văn tốt nghiệp này.*

*Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô Học viện Khoa học Xã hội, các bạn học viên lớp Cao học Luật Kinh tế đã giúp đỡ tôi trong suốt thời gian khoá học.*

*Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến lãnh đạo và các anh chị tại Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã tạo điều kiện và hỗ trợ tôi về các tài liệu nghiên cứu hữu ích trong quá trình thực hiện luận văn.*

*Những lời cảm ơn sau cùng xin dành cho bạn bè và người thân trong gia đình đã tạo điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.*

*Nguyễn Diệu Vũ*

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi có sự hỗ trợ và hướng dẫn từ Thầy hướng dẫn, cũng như những người tôi đã cảm ơn và trích dẫn trong luận văn này. Các kết quả nêu trong Luận văn do tôi nghiên cứu chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.*

*Tác giả*

**Nguyễn Diệu Vũ**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM</b> .....	7
1.1. Một số khái niệm trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm.....	7
1.2. Nội dung pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm .....	11
1.3. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm .....	23
<b>CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM</b> .....	29
2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm .....	29
2.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm.....	31
2.3. Các hành vi bị cấm.....	36
2.4. Giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng .....	38
2.5. Chế tài xử phạt hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm .....	42
2.6. Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm.....	50
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM</b> .....	54
3.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm .....	54
3.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm.....	55
3.3. Các hành vi bị cấm.....	56

3.4. Giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng thực phẩm .....	57
3.5. Chế tài xử phạt hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm .....	59
3.6. Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm.....	64
<b>KẾT LUẬN</b> .....	71

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATVSTP	: An toàn vệ sinh thực phẩm.
CI	: Customer International Tổ chức Quốc tế người tiêu dùng.
Luật An toàn thực phẩm năm 2010	: Luật số 55/2010/QH12 của Quốc hội - Luật An toàn thực phẩm
Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010	: Luật số 59/2010/QH12 của Quốc hội - Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
Nghị định 99/2011/NĐ-CP	: Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27-10-2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.
WTO	: World Trade Organization Tổ chức Thương mại thế giới

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

An toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với toàn xã hội. Được tiếp cận với thực phẩm an toàn đang trở thành quyền cơ bản đối với mỗi con người. ATVSTP không chỉ ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên đến sức khỏe của người tiêu dùng mà còn liên quan chặt chẽ đến năng suất, hiệu quả phát triển kinh tế, thương mại, du lịch và an sinh xã hội. Do đó, việc đảm bảo ATVSTP nói chung và quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP nói riêng góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

Vấn đề ATVSTP ở nước ta đang tạo nhiều lo lắng cho người tiêu dùng và toàn xã hội. Nhiều vụ việc liên tiếp xảy ra trong thời gian gần đây như măng tươi nhiễm chất vàng ô dùng để nhuộm vải ở Đà Nẵng, ngộ độc bánh mì ở Đà Lạt, nước uống Rong đỏ và C2 bị phát hiện nhiễm độc chì sau khi đã tiêu thụ trên thị trường trong thời gian dài, sử dụng hoá chất cấm dùng trong nuôi trồng, chế biến nông thủy sản, thực phẩm, việc sản xuất một số sản phẩm kém chất lượng do quy trình chế biến hoặc do nhiễm độc từ môi trường. Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp chính là người tiêu dùng. Vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP chưa bao giờ lại trở nên nóng hổi và được toàn xã hội quan tâm nhiều như hiện nay. Do đó đây là vấn đề vừa cấp bách vừa lâu dài cần được tập trung giải quyết.

Trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành hàng loạt văn bản nhằm kiểm soát ATVSTP, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Trong đó, hai đạo luật có vai trò chủ đạo trong vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm năm 2010. Sự kết hợp triển khai áp dụng hai đạo luật nhằm kiểm soát hành vi buôn bán, kinh doanh thực phẩm bẩn, kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Tuy nhiên, sau hơn năm năm có hiệu lực, hai đạo luật này đã bộc lộ những yếu điểm và thiếu sót. Quyền lợi người tiêu dùng trong



lĩnh vực ATVSTP vẫn đang và có nguy cơ tiếp tục bị vi phạm trầm trọng. Thực trạng này cho thấy pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP hiện nay vẫn chưa trở thành một công cụ hiệu quả để bảo vệ tốt nhất cho quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng thực phẩm.

Từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh thực phẩm theo pháp luật nước ta hiện nay*”. Nghiên cứu dựa trên việc phân tích các vấn đề lý luận, so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các quốc gia khác, kết hợp với tình hình thực tiễn để có được cách nhìn toàn diện và đúng đắn nhất về chế định pháp luật này.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là một lĩnh vực pháp luật còn mới ở Việt Nam nhưng đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện. Nội dung của hầu hết các công trình nghiên cứu này chủ yếu đề cập đến các vấn đề lý luận về người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nói chung. Có thể kể đến đó là Đề tài khoa học cấp bộ “Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam” do ThS. Đinh Thị Mai Phương chủ nhiệm thực hiện năm 2008 tại Viện Khoa học pháp lý; Luận án tiến sĩ luật học “Hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Thu thực hiện năm 2013 tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam; Luận án tiến sĩ luật học “Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Trọng Điệp thực hiện năm 2014 tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Ngoài ra, còn có các đề tài nghiên cứu chi tiết về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực cụ thể. Như là Luận văn thạc sĩ luật học “Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hợp đồng gia nhập” của tác giả Lò Thuý Linh thực hiện năm 2010 tại Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội; Luận văn thạc sĩ luật học “Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực kinh doanh siêu thị” của tác giả Nguyễn Thanh Hiếu thực hiện năm 2015 tại Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội. Và các nghiên cứu về chuyên ngành an

toàn thực phẩm như Luận văn thạc sĩ luật học “Pháp luật về kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trong hợp đồng thương mại ở Việt Nam” của tác giả Đặng Công Hiến thực hiện năm 2012 tại Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

Hiện nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào hoàn chỉnh và công bố chính thức về chế định pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP mà chỉ mới dừng lại ở các hội thảo, diễn đàn và các bài tham luận. Do đó, tác giả tự nhận thấy đây là một cơ hội và cũng là một thách thức cho bản thân trong quá trình thực hiện đề tài.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả muốn đưa ra cái nhìn tổng quát về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ở nước ta hiện nay. Từ đó tìm ra những tương đồng và khác biệt trong các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Cuối cùng là thực hiện mục tiêu hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Qua đó khẳng định pháp luật luôn là công cụ hiệu quả nhất của Nhà nước trong việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của công dân quốc gia mình.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được những mục đích đã nêu trên, các nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn được xác định cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nghiên cứu cơ sở lý luận của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP.

*Thứ hai*, làm sáng tỏ nội dung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, thực hiện so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với lý luận chung và pháp luật quốc tế.

*Thứ ba*, phân tích thực trạng pháp luật hiện hành về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP; so sánh, đánh giá xu hướng vận động của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP hiện nay trên thế giới; đưa ra định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những cơ sở lý luận của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP; những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong ATVSTP tại Việt Nam; kinh nghiệm thế giới trong việc xây dựng pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Pháp luật nước ngoài được nghiên cứu bao gồm các Điều ước quốc tế liên quan; pháp luật của các quốc gia phát triển như Mỹ, EU; và pháp luật của các quốc gia nằm trong khu vực hoặc các quốc gia có sự tương đồng về kinh tế, chính trị, văn hoá với Việt Nam.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Bên cạnh việc đặt trọng tâm vào nghiên cứu các vấn đề mang tính lý luận, luận văn còn tập trung vào nghiên cứu các quy định mang tính đặc thù, đánh giá tính phù hợp, thống nhất và khả thi của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP của Việt Nam, kết hợp với việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Những nội dung liên quan đến thực trạng pháp luật luận văn nghiên cứu trong giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Một vấn đề cần nhấn mạnh là người tiêu dùng thực phẩm được tác giả lấy làm chủ thể trọng tâm của quá trình thực hiện luận văn. Khái niệm về người tiêu dùng theo quan điểm của các quốc gia trên thế giới, đó có thể là cá nhân hoặc tổ chức mua, sử dụng hàng hoá, dịch vụ vì mục đích tiêu dùng cá nhân, sinh hoạt gia đình và không nhằm mục đích kinh doanh. Mặc dù vậy, có thể khẳng định rằng, xu hướng chung mang tính thông lệ trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng ở các quốc gia phát triển và quốc gia thuộc khu vực ASEAN là người tiêu dùng chỉ nên giới hạn là cá nhân người tiêu dùng. Phạm vi nghiên cứu của luận văn này cũng chỉ đề cập đến người tiêu dùng là cá nhân mua, sử dụng hàng hoá, dịch vụ phục vụ các mục đích không phải là hoạt động kinh doanh, thương mại.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *5.1. Phương pháp luận*

Luận văn sử dụng quan điểm duy vật biện chứng của triết học Mác –

Lênin làm cơ sở cho việc nghiên cứu.

### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Để hoàn thành việc nghiên cứu luận văn, tác giả đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết;
- Phương pháp phân loại và hệ thống hoá lý thuyết;
- Phương pháp so sánh đối chiếu;
- Phương pháp liệt kê.

Trong đó, phương pháp phân loại và hệ thống hoá lý thuyết là phương pháp cơ bản, được tác giả sử dụng xuyên suốt và chủ đạo trong quá trình thực hiện luận văn.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Về mặt lý luận, luận văn là một công trình nghiên cứu mang tính hệ thống và toàn diện về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ở Việt Nam hiện nay. Luận văn nêu ra và phân tích các vấn đề lý luận về quyền lợi người tiêu dùng và ATVSTP, làm cơ sở cho những nhận xét và đánh giá về thực trạng của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực này. Việc nghiên cứu pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP sẽ góp phần làm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khi đây vẫn còn là một lĩnh vực pháp luật mới đang được chú trọng ở Việt Nam và cần thực hiện nhiều sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

Về mặt thực tiễn, luận văn phân tích, đánh giá thực trạng của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, tìm ra những hạn chế, bất cập và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao tính khả thi, minh bạch của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, góp phần tạo nên một hành lang pháp lý hiệu quả nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng thực phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ở Việt Nam hiện nay.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được tổ chức thành ba chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chương 2. Quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chương 3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm.

**CHƯƠNG 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**  
**VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**  
**TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

**1.1. Một số khái niệm trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm**

***1.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm***

***1.1.1.1. Quyền lợi người tiêu dùng***

Bất kỳ một chủ thể nào khi tham gia vào một mối quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật nói riêng đều có những quyền lợi và nghĩa vụ nhất định. Trong đó, quyền lợi là những lợi ích mà một chủ thể đương nhiên được hưởng hoặc do thoả thuận hoặc được pháp luật quy định. Quyền lợi người tiêu dùng bao gồm những quyền năng cơ bản và phái sinh của người tiêu dùng khi họ tham gia vào quan hệ mua bán và có thể kéo dài trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ.

“Bản hướng dẫn về bảo vệ người tiêu dùng” của Liên Hợp Quốc ban hành ngày 16/4/1985, sửa đổi năm 1999 nêu ra tám nguyên tắc về quyền lợi của người tiêu dùng[14]. Tám nguyên tắc đó sau này trở thành tám quyền cơ bản của người tiêu dùng. Bao gồm: (i) quyền được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản, (ii) quyền được an toàn, (iii) quyền được thông tin, (iv) quyền được lựa chọn, (v) quyền được lắng nghe, (vi) quyền được khiếu nại và bồi thường, (vii) quyền được giáo dục, đào tạo về tiêu dùng, (viii) quyền được có môi trường sống lành mạnh và bền vững.[13,tr.33]

***1.1.1.2. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng***

Do sự yếu thế của người tiêu dùng trong mối quan hệ với các nhà sản xuất, cung ứng dịch vụ, người tiêu dùng đôi khi không thể đưa ra các quyết định, chọn lựa đúng đắn và phù hợp nhất với lợi ích của họ. Chính vì lý do đó, Nhà nước phải can thiệp để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Có hai cách tiếp cận chủ đạo trên thế giới mà thông qua đó Nhà nước bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng[15,

tr.10-11]:

*Thứ nhất*, xây dựng một hệ thống pháp lý trong đó quy định trách nhiệm pháp lý đối với các bên sau khi đã xảy ra vi phạm;

Đây là cách tiếp cận mà theo đó các bên liên quan phải bồi thường thiệt hại sau khi xảy ra thiệt hại thực sự. Theo cách tiếp cận này, các cơ quan phân xử, trong đại đa số các trường hợp là các tòa án, bao gồm cả các tòa chuyên biệt, sẽ quyết định mức độ bồi thường thiệt hại, căn cứ trên bản chất và thực tế vụ việc. Các bên liên quan sẽ phải chịu bồi thường thiệt hại do hành vi sai sót của họ gây ra, nhưng chỉ sau khi bên bị thiệt hại đã kiện ra tòa hoặc khiếu nại đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền khác, với đầy đủ căn cứ và bằng chứng chứng minh thiệt hại của mình và hành vi vi phạm của bên kia có mối quan hệ nhân quả với nhau.

*Thứ hai*, xây dựng một hệ thống pháp lý điều chỉnh, ngăn chặn trước các hành vi vi phạm để giảm thiểu vi phạm.

Cách tiếp cận thứ hai này mang tính ngăn chặn, phòng ngừa. Theo đó các bên liên quan phải chịu phạt kể cả trước khi có thiệt hại thực sự, do đã vi phạm các quy định về tiêu chuẩn chất lượng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật. Theo cách tiếp cận này, một hệ thống quy chuẩn phải được thiết lập, không liên quan đến việc có xảy ra thiệt hại thực sự cho người tiêu dùng hay không. Các vụ việc đơn lẻ, hay cả một nhóm các vấn đề, đều có thể được điều chỉnh bởi các quy định chung này, giảm thiểu khả năng xảy ra việc phải phân định đúng sai, hay giúp tránh các phán quyết không nhất quán và thiếu công bằng trên cơ sở vụ việc. Các bên liên quan sẽ phải chịu phạt chỉ khi các cơ quan chức năng phát hiện được rằng họ không tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn. Và trong đại đa số các trường hợp, các cơ quan chức năng sẽ sử dụng các thủ tục hành chính để xem xét các thông tin kỹ thuật có liên quan, nhằm đi đến kết luận cuối cùng.

*1.1.1.3. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm*

Sử dụng thực phẩm là một nhu cầu tất yếu của con người. Vấn đề ATVSTP

đang trở thành vấn đề được quan tâm ngày càng sâu sắc trên phạm vi mỗi quốc gia

và quốc tế bởi sự liên quan trực tiếp của nó đến sức khỏe và tính mạng con người, ảnh hưởng đến sự duy trì và phát triển nòi giống, cũng như quá trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Bệnh truyền qua thực phẩm và ngộ độc thực phẩm đang đứng trước nhiều thách thức mới, diễn biến mới về cả tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng. Theo báo cáo gần đây của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), hơn 1/3 dân số các nước phát triển bị ảnh hưởng của các bệnh do thực phẩm gây ra mỗi năm. Số liệu của WHO ngày 2/4/2015 thống kê được rằng, mỗi năm trên thế giới có 582 triệu ca mắc phải một trong 22 căn bệnh truyền qua thực phẩm, 351.000 người chết có liên quan đến an toàn thực phẩm.[33]

Thực tế cho thấy các bệnh do ăn phải thực phẩm bị nhiễm chất độc hoặc tác nhân gây bệnh đang là một vấn đề sức khỏe cộng đồng ở các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển và đây là vấn đề sức khỏe của toàn cầu. Do đó, cần phải thiết lập một cơ chế nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP chính là việc đảm bảo cho người tiêu dùng có được đầy đủ các quyền năng cơ bản của người tiêu dùng nói chung, mà trước hết là “Quyền được an toàn”. Tiếp đó, khi có bất kỳ một thiệt hại nào cho người tiêu dùng liên quan đến vấn đề ATVSTP thì cần được nhanh chóng bồi thường và bù đắp các tổn thất về mặt sức khỏe và tinh thần. Đây là đặc trưng riêng biệt của vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, do tính chất quan trọng liên quan đến những quyền cơ bản của con người như là quyền được sống, được tự do và an toàn cá nhân; quyền được hưởng một cuộc sống phù hợp với sức khỏe và sự no ấm cho bản thân và gia đình trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hợp Quốc. [30, Điều 3, Điều 25]

### ***1.1.2. Khái niệm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm***

#### ***1.1.2.1. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng***

Trong xã hội dân chủ, pháp luật luôn được xem là cơ chế hữu hiệu nhất bảo



đảm quyền lợi của các chủ thể khi tham gia vào bất cứ hoạt động nào. Mặc khác, Nhà nước đặt ra pháp luật nhằm đòi hỏi chủ thể hành động trong một phạm vi nhất

định, mà vượt quá nó, họ sẽ phải chịu những điều chỉnh và chế tài tương ứng. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được đặt ra để hỗ trợ pháp luật dân sự và thương mại khắc phục những hạn chế của quyền tự do khế ước khi có sự không cân xứng về điều kiện kinh tế, trình độ hiểu biết giữa các bên trong giao dịch.

Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện, điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa người tiêu dùng với các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh để bảo vệ quyền được hưởng những lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, người sản xuất, kinh doanh và lợi ích xã hội. Đồng thời, chế định này còn là cơ sở để xử lý các vi phạm của các cá nhân, tổ chức kinh doanh khi họ thực hiện những hành vi xâm phạm đến quyền lợi của người tiêu dùng đã được luật định.

Dựa trên cách phân tích về cả hai hệ thống bảo vệ người tiêu dùng ở trên (xem mục 1.1.1.2. *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*), có thể nói rằng không có hệ thống nào có thể loại bỏ hoàn toàn rủi ro cho người tiêu dùng. Hệ thống quy định tiêu chuẩn không thể trở thành công cụ hiệu quả toàn diện do các cơ quan chức năng không có đủ thông tin về các hành vi vi phạm quy định của các doanh nghiệp, cũng như chi phí thực thi cao. Trái lại, hệ thống quy trách nhiệm pháp lý lại thất bại do các bên liên quan có thể không đủ khả năng bồi thường thiệt hại, hoặc cơ quan phân xử không thể buộc tội họ do bằng chứng không thuyết phục hoặc các thủ tục pháp lý phức tạp.

Bên cạnh đó, những điểm chung của hai hệ thống này đặt ra yêu cầu xem xét khả năng kết hợp cả hai lại thành một hệ thống pháp lý bảo vệ người tiêu dùng tối ưu nhất, để giảm thiểu các nguy cơ thiệt hại cho người tiêu dùng. Luật Bảo vệ người tiêu dùng, chủ yếu bao gồm các điều khoản quy trách nhiệm pháp lý, và được bổ sung bởi quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác, như quy định về an toàn thực phẩm, sức khỏe. Cách tiếp cận này

giúp đảm bảo tính chuyên biệt của từng lĩnh vực pháp lý khác nhau, giúp các cơ quan thực thi tập trung vào chuyên môn của mình, tuy có mặt trái là tính rời rạc, đôi khi có thể dẫn đến không nhất quán, hay xung đột pháp lý. Trong các lĩnh vực chuyên ngành, hệ thống tu pháp

thuờng không có khả năng thành công cao, do thiếu hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề kỹ thuật liên quan đến sức khỏe và an toàn, không đủ nhân lực hay các thủ tục không chuyên biệt. Do đó, đối với các quy định về tiêu chuẩn, an toàn của người tiêu dùng hiện đang được điều chỉnh tại các văn bản pháp luật khác thì sẽ quy định theo hướng dẫn chiếu.

#### *1.1.2.2. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm*

Lĩnh vực ATVSTP là một lĩnh vực đặc thù, có yêu cầu cao về các điều kiện tiêu chuẩn và chất lượng của thực phẩm. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP chú trọng các quy định về tiêu chuẩn, an toàn của người tiêu dùng; chế tài xử lý các chủ thể vi phạm và vấn đề bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng. Vì vậy, bên cạnh các quy định chung về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, lĩnh vực đặc biệt này còn liên quan đến các luật chuyên ngành về an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm trong sản xuất, chế biến, bảo quản...

Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP là toàn bộ nội dung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và dẫn chiếu đến một lĩnh vực chuyên biệt, đó là lĩnh vực ATVSTP. Bao gồm các đạo luật cơ bản như Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật về an toàn thực phẩm; Luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; và các chế tài xử phạt liên quan đến hành chính hoặc hình sự, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... Tất cả tạo nên một khung pháp lý hoàn thiện nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP.

### **1.2. Nội dung pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm**

Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP có đầy đủ những nội dung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nói chung, và được chuyên biệt hoá bởi các quy định chuyên ngành về đảm bảo chất lượng, an toàn về sinh thực phẩm. Do đó, tác giả sẽ phân tích nội dung chung nhất của pháp luật bảo

vệ quyền lợi người tiêu dùng. Từ đó sẽ bổ sung thêm những đặc trưng riêng biệt trong lĩnh vực ATVSTP. Về cơ bản, pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sẽ phải có những nội dung chính sau:

- (i) Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- (ii) Nghĩa vụ và trách nhiệm của người cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng;
- (iii) Các hành vi bị cấm;
- (iv) Giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng;
- (v) Chế tài xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- (vi) Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

### ***1.2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm***

#### ***1.2.1.1. Các quyền cơ bản của người tiêu dùng thực phẩm***

Quyền của người tiêu dùng là một trong những nội dung quan trọng nhất của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Bản Hướng dẫn về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Liên Hợp Quốc nêu rõ các nguyên tắc chỉ đạo về Bảo vệ người tiêu dùng. Các nguyên tắc này nêu lên các quyền lợi và nhu cầu của người tiêu dùng trên toàn thế giới và tạo ra một khuôn khổ mà theo đó các chính phủ, đặc biệt là chính phủ các nước đang phát triển hoặc vừa giành được độc lập, có thể sử dụng để soạn thảo, hay củng cố chính sách và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng tại quốc gia họ.

Bản Hướng dẫn đã vạch ra tám lĩnh vực cơ bản có thể phát triển các chính sách bảo vệ người tiêu dùng, nay được chuyển thành tám quyền cơ bản của người tiêu dùng, bao gồm:

*Thứ nhất*, quyền được thoả mãn các nhu cầu cơ bản.

Các nhu cầu cơ bản của con người của bất cứ một quốc gia nào xuất phát

từ vấn đề cần được đảm bảo sự tồn tại hay đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất. Theo lý thuyết về Tháp nhu cầu của nhà tâm lý học Abraham Maslow, ăn, uống, nghỉ ngơi là các nhu cầu cơ bản của con người. Nói cách khác đó là nhu cầu về lương thực, quần áo và nhà cửa. Trong xã hội hiện đại, con người ngày càng có những đòi hỏi cao hơn về môi trường sống thiết yếu, đó là nhu cầu về dịch vụ y tế, nước sạch

và vệ sinh, giáo dục, năng lượng và phụ thuộc vào chuyên gia, đi lại. Vậy con người nói chung và người tiêu dùng nói riêng có tám nhu cầu cơ bản và có quyền được đáp ứng những nhu cầu đó.

*Thứ hai, quyền được an toàn.*

Quyền được an toàn rất quan trọng trong việc đảm bảo một cuộc sống an toàn và chắc chắn. Quyền được an toàn có nghĩa là quyền được bảo vệ khỏi các sản phẩm, các quy trình sản xuất và dịch vụ có thể gây nguy hại cho sức khỏe và cuộc sống. Quyền này bao gồm quan ngại về lợi ích lâu dài cũng như nhu cầu trực tiếp của người tiêu dùng. Quyền này liên quan đến chính sách của Chính phủ trong việc thiết lập các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn sản phẩm, các cơ quan chuyên môn nhằm kiểm tra, giám định về chất lượng và an toàn sản phẩm.

*Thứ ba, quyền được thông tin.*

Người tiêu dùng phải có quyền được thông tin về chất lượng, số lượng, hiệu suất, độ tinh khiết, tiêu chuẩn và giá cả của hàng hoá, dịch vụ, để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn và tự bảo vệ bản thân họ khỏi các hành vi lạm dụng. Quyền này được thể hiện thông qua việc Chính phủ công bố và phổ biến rộng rãi nội dung của các chính sách bảo vệ người tiêu dùng, các chính sách về yêu cầu bắt buộc dán nhãn mác hàng hoá dịch vụ và đưa ra các cảnh báo cũng như thông tin cần thiết cho người tiêu dùng về các điều kiện trao đổi, mua bán, bảo hành, tín dụng, sử dụng hay bảo quản sản phẩm.

*Thứ tư, quyền được chọn lựa.*

Quyền được chọn lựa liên quan đến vấn đề chọn lựa giữa các khả năng

khác nhau. Quyền được chọn lựa có thể coi là một sự đảm bảo khả năng tiếp cận một số lượng lớn các loại hàng hoá và dịch vụ khác nhau ở mức giá cạnh tranh. Quyền này có mối quan hệ chặt chẽ với các chính sách của chính phủ nhằm hạn chế các hành vi hạn chế cạnh tranh, các loại hợp đồng không công bằng, điều chỉnh các hoạt động quảng cáo và khuyến mại.

*Thứ năm, quyền được lắng nghe.*

Quyền được lắng nghe là quyền được vàn đóng ủng hộ cho các quyền lợi của

người tiêu dùng với mục tiêu khiến cho các quyền lợi đó được xem xét một cách toàn diện và được đồng tình trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách có ảnh hưởng tới người tiêu dùng. Quyền này được thể hiện trong các quy định về địa vị pháp lý (ví dụ quyền đại diện trong khiếu nại và xét xử, hay quyền đại diện đưa ra góp ý, kiến nghị trong các quá trình hoạch định chính sách có liên quan) của các tổ chức bảo vệ người tiêu dùng trong các vàn bản pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, cũng như các cơ chế hữu hiệu để thực thi các quyền đó.

*Thứ sáu, quyền được khiếu nại và bồi thường thiệt hại.*

Quyền này về cơ bản liên quan đến việc các chính phủ xây dựng và thông qua các quy định pháp lý, hành chính cũng như các cơ chế thực thi để tạo điều kiện cho người tiêu dùng có thể khiếu nại và được giải quyết, bồi thường thiệt hại thông qua các thủ tục chính thức cũng như không chính thức một cách nhanh chóng, công bằng, với ít chi phí và có thể được tiếp cận dễ dàng thuận tiện bởi người tiêu dùng khắp nơi.

*Thứ bảy, quyền được giáo dục, đào tạo về tiêu dùng.*

Quyền được giáo dục tiêu dùng có nghĩa là quyền có được các kiến thức và thông tin cần thiết để có thể là một người tiêu dùng có hiểu biết. Quyền này có liên quan mật thiết đến quyền được thông tin của người tiêu dùng.

*Thứ tám, quyền được hưởng một môi trường sống lành mạnh, bền vững.*

Các nguồn lực sử dụng trong quá trình sản xuất và tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ nên được sử dụng một cách lành mạnh và thân thiện với môi trường sinh thái. Đây là lý do cần bản làm phát sinh quyền được hưởng một môi trường lành mạnh của người tiêu dùng. Người tiêu dùng có thể thực thi quyền này thông qua các cơ chế khiếu nại và thông tin.[15, tr. 24-26]

Trong số các quyền nêu trên, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP đặc biệt chú trọng đến “Quyền được an toàn” của người tiêu dùng. Bởi vì thực phẩm là một loại hàng hoá đặc biệt. Không giống như những loại hàng hoá khác, thực phẩm luôn phải được đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh trước khi đến tay người tiêu dùng để tránh gây ra những thiệt hại không

thể kiểm soát được. Thiệt hại về sức khoẻ, tính mạng, tinh thần là những loại thiệt hại mang tính chất không thể bù đắp hoặc khôi phục lại nguyên trạng. Nếu như “Quyền được an toàn” của người tiêu dùng được đảm bảo triệt để thì sẽ đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm. Nguyên tắc của các chế định liên quan đến ATVSTP luôn coi trọng nguyên tắc phòng ngừa hơn là khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP cũng ghi nhận các quyền còn lại của người tiêu dùng nói chung và coi đó là nguyên tắc quan trọng để xây dựng các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các chế tài xử phạt vi phạm.

#### *1.2.1.2. Nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm*

Nghĩa vụ trong hợp đồng do luật tạo ra phù hợp với ý chí của những người giao kết hợp đồng. Nghĩa vụ ngoài hợp đồng do luật tạo ra ngoài ý chí của những người có liên quan. Việc xác lập nghĩa vụ của các bên là cần thiết cho việc duy trì trật tự xã hội, duy trì đạo đức xã hội và nhất là phù hợp với lẽ công bằng.

Theo đó, nghĩa vụ của người tiêu dùng là những hành vi mà pháp luật đòi hỏi người tiêu dùng phải thực hiện. Mục đích là phòng ngừa những rủi ro, thiệt hại cho chính mình và thực hiện nghĩa vụ cộng đồng. Bao gồm nghĩa vụ tiêu dùng và sử dụng hàng hoá, dịch vụ không làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của

người khác, phù hợp với văn hoá quốc gia, đảm bảo vấn đề môi trường, hay có trách nhiệm trong việc thông báo, thông tin cho cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu phát hiện những hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng.

Ngoài các nghĩa vụ chung trên, người tiêu dùng thực phẩm còn có nghĩa vụ đặc trưng, đó là việc phải đảm bảo mình luôn là người tiêu dùng thông thái, có hiểu biết đầy đủ về thực phẩm và hàng hoá mà mình đang sử dụng về các vấn đề như xuất xứ, thành phần, ngày sản xuất, hạn sử dụng, hướng dẫn sử dụng, cách thức bảo quản. Nghĩa vụ này nhằm đảm bảo người tiêu dùng có khả năng tự bảo vệ mình trước khi cần có sự can thiệp của pháp luật và các công cụ cần thiết khác.

### ***1.2.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm***

Nếu như đối với người tiêu dùng, pháp luật bảo vệ người tiêu dùng tập trung vào chế định quyền của người tiêu dùng thì đối với người cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng, pháp luật sử dụng các quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm để kiểm soát hành vi của nhóm đối tượng này.

Ngoài những nghĩa vụ theo thoả thuận và được điều chỉnh bởi các ngành luật tư, nhà cung cấp sản phẩm cho người tiêu dùng phải gánh chịu thêm nhiều nghĩa vụ mang tính hành chính và đặc biệt là trách nhiệm sản phẩm - một loại trách nhiệm pháp lý đặc biệt khi hàng hoá, dịch vụ của nhà cung cấp có những khuyết tật, kể cả trong trường hợp họ không có lỗi đối với những khuyết tật đó. [11, tr. 43-44]

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ghi nhận các nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất một cách nghiêm ngặt như là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất nhằm ngăn chặn những sai lệch trong hành vi của họ, kiểm soát thiệt hại xảy ra. Ngoài các quy định mang tính điều chỉnh chung, nội dung pháp luật về vấn đề này sẽ liên quan đến quy định chuyên ngành về ATVSTP. Do đó, các quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, phân phối và kinh doanh thực phẩm chính là hàng loạt các quy định về yêu cầu đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng của quốc gia và quốc tế do các cơ quan chuyên môn ban hành. Thông thường, đối với các quốc gia là thành viên của khu vực hoặc

liên minh thì khu vực hoặc liên minh đó sẽ có những chuẩn chung về ATVSTP và pháp luật quốc gia dựa vào đó để nội luật hoá vào các đạo luật của mình. Các nước thường dựa vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được khu vực, liên minh hoặc quốc tế công nhận nhằm đảm bảo tính toàn cầu của chất lượng thực phẩm mà các doanh nghiệp trong nước sản xuất ra. Đây đang là xu hướng chung của toàn thế giới nhằm đảm bảo người tiêu dùng toàn cầu được hưởng những điều kiện an toàn thực phẩm như nhau và tối ưu nhất.

### ***1.2.3. Các hành vi bị cấm***

Chế định về hành vi thương mại không công bằng và các hành vi bị cấm được quy định khá phổ biến trong Luật bảo vệ người tiêu dùng của nhiều quốc gia. Tuy

nhiên, về bản chất, những hành vi thương mại không công bằng làm mất cân bằng trong giao dịch giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Do đó, đây cũng là những hành vi bị pháp luật cấm thực hiện. Bên cạnh đó, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP quan tâm chủ yếu đến những hành vi bị cấm thực hiện vì nó đã bao hàm cả những hành vi thương mại không công bằng. Vì những lý do đó, tác giả sẽ bỏ qua việc nghiên cứu các quy định về hành vi thương mại không công bằng nằm trong nội dung chung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng mà chỉ tập trung vào quy định các hành vi bị cấm thực hiện.

Về cơ bản, pháp luật quốc tế ghi nhận các dạng hành vi bị cấm đối với nhà sản xuất, kinh doanh cần đưa vào luật như sau:

(i) Những hành vi cung cấp các thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn về bất cứ vấn đề gì liên quan đến giao dịch tiêu dùng như liên quan đến nhân thân của thuộ́ng nhân, liên quan đến bản thân hàng hoá, dịch vụ, liên quan đến bản chất giao dịch, liên quan tới các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan đến hợp đồng, liên quan đến giá cả, liên quan đến chế độ hạ̣u mãi;

(ii) Những hành vi che giấu hoặc không cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết cho người tiêu dùng khiến người tiêu dùng không có đủ thông tin cần thiết



cho việc đưa ra các quyết định liên quan đến giao dịch tiêu dùng;

(iii) Thực hiện các hành vi mang tính cưỡng bức, lạm dụng đối với người tiêu dùng.

Tương tự nguyên tắc chung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP tập trung điều chỉnh những hành vi của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây ảnh hưởng đến chất lượng thực phẩm, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người tiêu dùng thực phẩm. Pháp luật sẽ cấm mọi hành vi nêu trên của thương nhân gây thiệt hại cho người tiêu dùng, không cần biết thương nhân cố ý hay vô ý thực hiện hành vi đó. Quy định về các hành vi bị cấm đối với nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm nằm trong các văn bản chuyên ngành về ATVSTP.

#### ***1.2.4. Giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng thực phẩm***

Quan hệ giữa người tiêu dùng và thương nhân là quan hệ tư. Vì vậy, các tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân sẽ được giải quyết theo trình tự luật tư. Các hình thức giải quyết tranh chấp có thể được áp dụng đó là thương lượng, hoà giải, trọng tài và toà án. Theo nguyên tắc pháp luật, điều khoản trọng tài luôn phải được thỏa thuận trước trong hợp đồng giữa thương nhân và người tiêu dùng. Trong khi đó, lĩnh vực tiêu dùng thực phẩm, với tính chất là hoạt động thường xuyên và nhỏ lẻ, cá nhân người tiêu dùng và thương nhân thường không ký kết với nhau một hợp đồng mua bán nào, nên việc tồn tại một thỏa thuận về điều khoản trọng tài là không thể. Do đó, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hầu như không được áp dụng trong giải quyết tranh chấp phát sinh từ cá nhân người tiêu dùng thực phẩm.

Về cơ bản, các phương thức thương lượng và hoà giải trong giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân có những nét tương đồng với tranh chấp trong thương mại nói chung. Riêng về phương thức tố tụng tại toà án, tính chất đặc thù của vụ kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là thường có nhiều người tiêu dùng cùng kiện một nhà cung cấp hàng hoá thực phẩm về những nội dung tương tự nhau. Do đó, để giảm bớt chi phí tố tụng cho cả hai bên và toà án, pháp luật hầu hết các nước có quy định về hình thức khởi kiện tập thể và đặt cho nó một trình tự nộp

đơn riêng[11, tr. 46]. Cùng với đó là nghĩa vụ chứng minh được chuyển sang phía thương nhân, tức là thương nhân với tư cách là bị đơn nhưng nghĩa vụ chứng minh của họ như là nguyên đơn.

Quy định này xuất phát từ nguyên tắc “đảo nghĩa vụ chứng minh”. Nguyên tắc này lần đầu tiên được nhắc đến trong Điều 139, Luật Sáng chế của Đức năm 1891. Đảo nghĩa vụ chứng minh sau đó cũng được quy định trong Luật Sáng chế của các nước Ý, Tây Ban Nha và Bỉ[19, tr. 20-22]. Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng với đặc trưng là có sự yếu thế rõ ràng giữa người tiêu dùng so với thương nhân, nên nguyên tắc đảo nghĩa vụ chứng minh cũng được áp dụng để giảm nghĩa vụ cho người tiêu dùng và tăng trách nhiệm cho thương nhân. Trong vụ kiện với người tiêu dùng, thương nhân phải có nghĩa vụ chứng minh mình không thuộc các trường hợp

phải chịu trách nhiệm bồi thường. Khi không thể chứng minh được miễn, thương nhân phải chịu trách nhiệm đối với những cáo buộc của nguyên đơn.

Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ghi nhận đầy đủ các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân theo như pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### ***1.2.5. Chế tài xử phạt hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm***

Việc quy định về các chế tài xử phạt vi phạm yêu cầu phải vừa đảm bảo đủ được tính giáo dục, hiệu quả cho các quy định của pháp luật nhưng phải tránh xung đột, trùng lặp giữa các loại chế tài với nhau. Tổng hợp những loại quy định này tạo ra một khung chế tài toàn diện có khả năng điều chỉnh và xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Những loại chế tài đó bao gồm:

*Thứ nhất*, chế tài dân sự.

Chế tài dân sự đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP là biện pháp chế tài mang tính mềm dẻo và được áp dụng rộng rãi trong đời sống dân sự hằng ngày. Chế tài dân sự luôn mang nội dung kinh tế và đem lại hậu quả về mặt kinh tế cho chủ thể bị áp dụng. Xuất phát từ bản chất của

quan hệ dân sự là các chủ thể tham gia có quyền tự thoả thuận, định đoạt trong quan hệ mà các bên có thể thoả thuận lựa chọn các biện pháp chế tài dân sự cụ thể.

*Thứ hai, chế tài hành chính.*

Chế tài hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP là những hậu quả pháp lý bất lợi được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức trong việc xâm phạm đến quyền lợi người tiêu dùng, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo đó, họ phải chịu áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính hoặc các biện pháp cưỡng chế hành chính khác. Mục đích của chế tài hành chính là răn đe và giáo dục tổ chức, cá nhân vi phạm. Thông qua đó còn tác động đến ý thức tuân thủ pháp luật cho cộng đồng trên cơ sở áp dụng hậu quả pháp lý bất lợi nhất định buộc chủ thể vi phạm hành chính trong lĩnh vực xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng phải gánh chịu.

*Thứ ba, chế tài hình sự.*

Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, cá nhân có liên quan trong tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ còn có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. Chế tài hình sự được coi là biện pháp chế tài nghiêm khắc nhất trong tất cả các biện pháp chế tài được áp dụng đối với người vi phạm quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm. Chế tài này phải được quy định trong pháp luật hình sự và chỉ được áp dụng bởi Tòa án.

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP sử dụng chủ yếu là các chế tài hành chính trong việc giải quyết vi phạm và chế tài dân sự khi bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng. Chế tài hình sự chỉ áp dụng đối với những trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đến tính mạng con người và an toàn xã hội. Tuy nhiên, với quan điểm về tầm quan trọng của vấn đề ATVSTP trên toàn cầu, pháp luật các quốc gia đang có xu hướng hình sự hoá các tội phạm về ATVSTP để qua đó các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm có ý thức trong hoạt động của mình, nhằm tránh phải chịu những chế tài nặng nề mà pháp luật đã đặt ra.

#### ***1.2.6. Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm***

Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là những cơ quan, tổ chức có chức

năng giải quyết hoặc trực tiếp hỗ trợ giải quyết các yêu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm hệ thống các cơ quan nhà nước liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng [11, tr. 72]. Dù tồn tại dưới hình thức nào thì thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đều phải tuân thủ hai nguyên tắc: (i) đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng với tư cách là chủ thể yếu thế trong quan hệ pháp luật với thương nhân; và (ii) đảm bảo các nguyên tắc chung về quản lý nhà nước và hoạt động tư pháp.

*Thứ nhất*, trên thế giới có hai mô hình cơ quan nhà nước chuyên trách về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm [16, tr. 13-14]:

(i) Hệ thống cơ quan hình chóp.

Hệ thống các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng được tổ chức thành hệ thống với một cơ quan dạng Ủy ban hoặc Hội đồng trực thuộc Chính phủ hoặc Quốc hội. Theo

đó, cơ quan bảo vệ người tiêu dùng là cơ quan có thẩm quyền tuyệt đối trong hoạt động bảo vệ người tiêu dùng và có thẩm quyền yêu cầu các cơ quan chuyên ngành khác thuộc chính phủ phối hợp và giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của người tiêu dùng.

Nhìn chung, theo mô hình hình chóp này, cơ quan bảo vệ người tiêu dùng là một cơ quan chuyên môn độc lập, có vị trí cao trong tổ chức bộ máy nhà nước và có tiếng nói đối với các cơ quan khác trong hoạt động bảo vệ người tiêu dùng. Cơ quan này thường không trực tiếp giải quyết các khiếu nại người tiêu dùng và trên thực tế thì với nguồn lực và mô hình như vậy, việc giải quyết trực tiếp các vụ việc xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng cụ thể là không khả thi. Do vậy, chức năng này thường được giao cho các bộ ngành và đặc biệt là phân cấp mạnh cho chính quyền địa phương và Ủy ban đóng vai trò là cơ quan giám sát việc thực hiện. Trong đó, các cơ quan chuyên môn về đảm bảo ATVSTP, kiểm soát chất lượng sản phẩm sẽ có vai trò là cơ quan tham mưu và trực tiếp tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP.

(ii) Hệ thống cơ quan hạt nhân.

Theo mô hình này, cơ quan có chuyên môn bảo vệ người tiêu dùng là một cơ quan thuộc Bộ. Cơ quan bảo vệ người tiêu dùng thành lập dưới dạng Cục hoặc Vụ thuộc các bộ có chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, thương mại và công nghiệp. Mỗi cơ quan chuyên môn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện nhiệm vụ riêng của mỗi lĩnh vực nhưng có sự phối hợp với các ngành khác trong trường hợp vụ việc vi phạm liên quan đến nhiều ngành khác nhau.

Trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, các cơ quan này có chức năng điều tra và xử lý các hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng. Các bộ ngành khác có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với cơ quan bảo vệ người tiêu dùng để xử lý các hành vi vi phạm và giám sát chất lượng hàng hóa dịch vụ trên thị trường nhằm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Về mặt tổ chức, do là cơ quan thuộc Bộ nên cơ quan bảo vệ người tiêu dùng theo mô hình này không có thẩm quyền giám sát cũng như áp dụng nhiệm vụ cho các cơ quan khác trong hệ thống thiết chế bảo vệ người tiêu dùng. Tuy nhiên

với những công cụ đặc lực như các trung tâm nghiên cứu, giám định cùng với các thẩm quyền điều tra và xử lý, các cơ quan này có vị trí hạt nhân trong công tác bảo vệ người tiêu dùng và các cơ quan khác có trách nhiệm phối hợp.

Như vậy, những ngành mà hoạt động chuyên môn của nó có liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng đều cần một cơ quan có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực đó. Đối với lĩnh vực ATVSTP, cơ quan chuyên môn theo mô hình này thường trực thuộc Bộ Nông nghiệp để quản lý về chất lượng an toàn thực phẩm, hoặc Bộ Y tế để đảm bảo ATVSTP cho người tiêu dùng.

*Thứ hai, tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.*

Trong quá trình thực hiện bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trên thế giới, có một thiết chế đặc biệt được nhắc đến như là một phương thức nhằm tăng cường sức mạnh của các chủ thể là người tiêu dùng “yếu thế” trong xã hội. Đó chính là tổ chức hoặc liên minh người tiêu dùng. Tiêu biểu là Liên minh người tiêu dùng (Consumers

Union)<sup>1</sup> được thành lập năm 1936 và hiện là tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có ảnh hưởng nhất trên thế giới. Phong trào bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đạt quy mô toàn cầu đã dẫn đến sự ra đời của Tổ chức quốc tế người tiêu dùng (Consumers International - CI)<sup>2</sup>. CI được thành lập vào ngày 1/4/1960 từ các tổ chức người tiêu dùng của các nước. Quốc tế người tiêu dùng hiện nay là một tổ chức của người tiêu dùng lớn nhất thế giới, có trên 220 tổ chức thành viên đến từ 115 nước trên thế giới. CI có vai trò như một cơ quan toàn cầu và duy nhất chống lại bất kỳ hành vi đe dọa, phớt lờ hoặc vi phạm các nguyên tắc bảo vệ người tiêu dùng.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia ban hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đều hình thành Tổ chức hoặc Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng. Chức năng hàng đầu của các tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là cung cấp thông tin trung thực, khách quan cho người tiêu dùng về hàng hoá, dịch vụ; đại diện người tiêu dùng trong giải quyết các tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân; tiến hành vận động các chính sách có lợi cho người tiêu dùng.

### **1.3. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm**

#### ***1.3.1. Trên thế giới***

##### ***1.3.1.1. Những chế định nền tảng của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm***

Pháp luật dân sự - thương mại được xây dựng để điều chỉnh các quan hệ giữa các chủ thể độc lập, bình đẳng nhau về địa vị pháp lý, không có mối quan hệ lệ thuộc nhau về tài sản hoặc tổ chức. Khi các chủ thể mang tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh thì việc bảo đảm nguyên tắc tự do hợp đồng là yêu cầu hàng đầu [17]. Đây là hai đạo luật cơ bản cho việc đảm bảo quan hệ hợp đồng diễn ra bình đẳng và ổn định, cũng là cơ sở đầu tiên cho vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tuy nhiên, quan hệ giữa thương nhân và người tiêu dùng là mối quan hệ giữa một bên có tính chuyên nghiệp với một bên mang nặng tính nghiệp dư, nên mức độ bình đẳng của các chủ thể là không giống nhau. Khi đó, pháp luật dân sự - thương mại, với

---

<sup>1</sup>Consumer Union <<http://www.consumersunion.org/>>.

<sup>2</sup>Consumers International <<http://www.consumersinternational.org/>>.

việc nhấn mạnh nguyên tắc tự do hợp đồng sẽ trở nên không còn phù hợp để điều chỉnh quan hệ này. Để ngăn ngừa khả năng thương nhân lợi dụng các ưu thế của mình xâm hại quyền lợi người tiêu dùng, việc đưa ra các quy tắc đặc thù điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa thương nhân với người tiêu dùng là cần thiết. [28, tr. 10-14]

Trong khi đó, pháp luật cạnh tranh tạo ra một môi trường cạnh tranh hoàn hảo giữa các thương nhân, tạo sự ganh đua giữa các thương nhân trong việc đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng, đem lại lợi ích to lớn cho sự phát triển kinh tế [18, tr. 37-42]. Vì vậy, pháp luật cạnh tranh, ngoài việc tạo lập một trật tự cạnh tranh trong thị trường, còn có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các đạo luật đầu tiên của lịch sử nhà nước và pháp luật về chống độc quyền và bảo vệ người tiêu dùng đều quy định về những hình phạt đối với các thương nhân có hành vi làm giàu bất chính. Ví dụ như các thương nhân liên kết với nhau để nâng giá ngũ cốc; hoặc có hành vi đầu cơ các mặt hàng thiết yếu là lương thực<sup>3</sup>. Những hành vi này ngoài việc để lại hậu quả cho các thương nhân khác, còn gây

thiệt hại đến người tiêu dùng do phải mua hàng hoá với giá cao hơn giá trị thông thường trên thị trường, hoặc mua hàng hoá đầu cơ không đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, với nhiệm vụ kiểm soát độc quyền và chống cạnh tranh không lành mạnh, chế định này chỉ tác động đến ứng xử giữa các thương nhân với nhau chứ không thể can thiệp được vào mối quan hệ giữa thương nhân với người tiêu dùng. Khi tình trạng này ngày càng nghiêm trọng mà nguyên nhân của nó không chỉ nằm ở tính chất độc quyền hay sự liên kết giữa các thương nhân, luật cạnh tranh đã trở nên không đủ để đảm bảo và duy trì một trật tự cạnh tranh, phát triển kinh tế bền vững.

Các nhà lập pháp nhận thấy sự cần thiết phải ghi nhận những ngoại lệ, lựa chọn các biện pháp tác động đặc thù đối với quan hệ giữa thương nhân và người tiêu dùng, cần những biện pháp hữu hiệu và chuyên biệt nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước những hành vi cố ý vi phạm của các thương nhân. Từ đó, họ tiến hành nghiên cứu và xây dựng nội dung pháp luật về bảo

---

<sup>3</sup>Đó là các quy định trong đạo luật “Lex Julia de Annona” về nâng giá lương thực được Nhà nước La Mã ban hành vào khoảng năm 50 trước Công nguyên.

vệ quyền lợi người tiêu dùng một cách hoàn thiện trong hệ thống pháp luật, dựa trên những nền tảng cơ bản về bảo vệ người tiêu dùng trong pháp luật dân sự, thương mại và cạnh tranh.

### *1.3.1.2. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm*

Trong các văn bản của Liên Hợp Quốc và Tổ chức Quốc tế người tiêu dùng luôn có một phần nội dung đề cập đến các quy định nhằm đảm bảo vấn đề ATVSTP. Bản hướng dẫn của Liên Hợp Quốc yêu cầu các nước cần phê chuẩn hoặc khuyến khích việc phê chuẩn các biện pháp thích hợp bao gồm những hệ thống pháp lý, những quy định về an toàn, các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế để đảm bảo rằng các sản phẩm phải an toàn cho sử dụng theo mục đích, hoặc bình thường có thể dự đoán trước được; hoặc quy định các biện pháp liên quan tới ba lĩnh vực cụ thể trong đó có thực phẩm. Các quy định về dán nhãn sản phẩm luôn thực, thực phẩm nhằm cung cấp những thông tin đầy đủ và trung thực cho người tiêu dùng; cấm quy định mức độ dư lượng tối đa của một số chất độc, gây ô nhiễm thực phẩm như dư lượng thuốc trừ dịch hại, thuốc thú y được phép có trong thực phẩm vì điều này sẽ gây nên những tác hại lớn cho sức khỏe người tiêu dùng. Các yêu cầu các quốc gia thành viên phải có đại diện của người tiêu dùng. Đại diện của người tiêu dùng ngày nay được coi như một khâu thiết yếu không thể thiếu trong việc soạn thảo và ban hành các tiêu chuẩn về thực phẩm.

Một trong các văn bản liên quan đến vấn đề ATVSTP cần được quan tâm là Hiệp định về Vệ sinh an toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật (Hiệp định SPS) của WTO. Đây là một trong mười một Hiệp định của Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại tự do (GATT 1994). Hiệp định bao gồm các điều khoản về quá trình kiểm soát, kiểm tra và chấp thuận, đưa ra những quy định trong việc áp dụng các biện pháp kiểm dịch động thực vật - các quy định về sức khỏe cây trồng, vật nuôi, và an toàn thực phẩm [26]. Hiệp định SPS liên quan chủ yếu đến hoạt động thương mại quốc tế nhưng những tiêu chuẩn, biện pháp được nêu trong Hiệp định nhằm mục đích bảo vệ người tiêu dùng thực phẩm. Đây là cơ sở quan trọng cho việc



xây dựng các quy định về ATVSTP trong pháp luật của mỗi quốc gia thành viên WTO.

### ***1.3.2. Ở Việt Nam***

Pháp luật Việt Nam đã sớm ghi nhận các vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nói chung trong các văn bản như Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1999, Pháp lệnh Vệ sinh, an toàn thực phẩm năm 2003... Tuy nhiên, các văn bản này chỉ mang tính chất là sự ghi nhận những nguyên tắc nền tảng về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chứ chưa có những quy định chi tiết, chưa đảm bảo tính khả thi, thể hiện thông qua thực trạng vi phạm quyền của người tiêu dùng ngày càng nghiêm trọng.

Trong hệ thống pháp luật nước ta hiện nay có nhiều văn bản pháp luật có nội dung quy định trực tiếp hoặc gián tiếp về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, như: Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Thương mại năm 2005, Luật Cạnh tranh năm 2004, Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007; Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012... và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật trên.

Bộ luật Dân sự năm 2005 đưa ra các quy phạm pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng như trách nhiệm dân sự do vi phạm pháp luật về bảo đảm chất lượng hàng hoá, dịch vụ; nghĩa vụ bảo hành; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi người tiêu dùng.

Luật Cạnh tranh năm 2004 khẳng định: “Việc cạnh tranh phải được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, của người tiêu dùng và phải tuân theo các quy định của Luật này”. Luật cũng cấm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến người tiêu dùng như: chỉ dẫn gây nhầm lẫn, quảng cáo, khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh, bán hàng đa cấp bất

chính...

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn là căn cứ hiện hành về bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam. Vấn đề ATVSTP với tính chất là một lĩnh vực chuyên ngành và được điều chỉnh bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và các văn bản hướng dẫn. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007 có những quy định, tiêu chuẩn nhằm điều chỉnh chung về vấn đề ATVSTP, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đây được xem là cơ sở cho việc xây dựng các quy định của Luật An toàn thực phẩm năm 2010, tập trung vào lĩnh vực an toàn thực phẩm [25, tr. 35-42]. Tác giả chỉ dừng lại ở việc giới thiệu Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007, còn việc phân tích chi tiết về ATVSTP sẽ dựa theo các quy định chuyên ngành trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

Bên cạnh hai đạo luật chính có vai trò chủ đạo trong hệ thống pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP tại Việt Nam là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn; Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và các văn bản hướng dẫn, còn có các văn bản luật khác quy định các vấn đề liên quan như về xử phạt hình sự, xử phạt hành chính các hành vi vi phạm, bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng. Các quy định liên quan này sẽ được tác giả lồng ghép phân tích trong phần nội dung quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP.

### **Kết luận Chương 1**

Qua việc phân tích các khái niệm liên quan và lý thuyết về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, tác giả đưa ra một số kết luận sau đây:

1. Lĩnh vực pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ra đời muộn hơn so với các lĩnh vực pháp luật khác nên các quy định liên quan đến chế định này và vấn đề bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP gần như là tương đồng trong pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Sự tương đồng này xuất phát từ sự tương đồng về các lý thuyết pháp lý, và là kết quả của xu hướng toàn cầu hoá quốc tế. Các

quốc gia có xu hướng cùng nhau xây dựng những nguyên tắc chung và dung hoà những khác biệt trong hệ thống pháp luật của mình nhằm hướng đến sự thống nhất trong các quy định, nhất là đối với các chế định mới của pháp luật. Chủ trương này có mục đích là phục vụ tốt nhất cho quá trình hợp tác song phương, đa phương, hợp tác khu vực và hợp tác quốc tế.

2. Những nội dung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP bao gồm: quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm; nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các hành vi bị cấm; giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng; chế tài xử phạt vi phạm; và thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm, tương ứng với các nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra, phần nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất còn liên quan đến các quy định chuyên ngành về an toàn thực phẩm, các chế tài liên quan đến quy định về dân sự, hành chính và hình sự. Vì vậy, khi thực hiện nội luật hoá các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, các quốc gia đều ghi nhận nó trong nhiều đạo luật khác nhau, mà trong đó lấy Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng làm nền tảng. Nội dung pháp luật của các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới là kinh nghiệm bổ ích, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP tại Việt Nam.

**CHƯƠNG 2**  
**QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM**  
**VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**  
**TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

**2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm**

**2.1.1. Quyền của người tiêu dùng thực phẩm**

Theo Điều 8 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, người tiêu dùng có tám quyền sau đây:

- (i) Quyền được an toàn;
- (ii) Quyền được thông tin;
- (iii) Quyền được lựa chọn;
- (iv) Quyền được lắng nghe;
- (v) Quyền được tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- (vi) Quyền được yêu cầu bồi thường;
- (vii) Quyền được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện;
- (viii) Quyền được giáo dục, đào tạo về tiêu dùng.

Nếu so sánh với tám quyền cơ bản của người tiêu dùng theo quy định của Liên Hợp Quốc, có hai quyền chưa được ghi nhận trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam là: quyền được thoả mãn những nhu cầu cơ bản và quyền được có môi trường sống lành mạnh và bền vững. Quan điểm của các nhà làm luật cho rằng, bởi vì hai quyền này có tính chất là quyền cơ bản của con người, hiện đã được khẳng định trong Hiến pháp nên không cần thiết phải nhắc lại trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 có tính chất là một đạo luật chuyên ngành<sup>4</sup>.

---

<sup>4</sup> Theo Điều 38 và Điều 43 Hiến pháp Việt Nam năm 2013, mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng. Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường.

Như vậy, quyền của người tiêu dùng theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 chỉ có sự khác biệt chứ không mâu thuẫn gì với pháp luật quốc tế.

Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định về năm quyền của người tiêu dùng thực phẩm tại Khoản 1 Điều 9. Có thể thấy năm quyền này của người tiêu dùng thực phẩm được ghi nhận dựa trên cơ sở các quyền trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Trong lĩnh vực an toàn thực phẩm theo pháp luật Việt Nam, “Quyền được an toàn” của người tiêu dùng được chú trọng nhất. Đặc trưng này phù hợp với thông lệ quốc tế. Sự chú trọng này thể hiện qua việc ghi nhận quyền được an toàn là quyền đầu tiên trong cả hai đạo luật. Quyền an toàn của người tiêu dùng là quyền luôn được ưu tiên trước nhất, nếu quyền này của người tiêu dùng thực phẩm được đảm bảo thì sẽ không làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan khác.

Quy định của các nước về quyền của người tiêu dùng có một điểm chung là hầu hết đều tôn trọng và ghi nhận tương tự các quyền đề ra theo Bản Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc. Bởi vì các quyền mà Liên Hợp Quốc nêu ra đã khá toàn diện và bao trùm đượ tất cả các vấn đề có liên quan đến công tác bảo vệ người tiêu dùng [32, tr. 12]. Người tiêu dùng thực phẩm cũng được pháp luật các quốc gia chú trọng đến các quyền lợi cơ bản như của người tiêu dùng nói chung.

### **2.1.2. Nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm**

Không chỉ quy định về quyền và các biện pháp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, một trong những điểm mới nổi bật mà Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 đưa ra là quy định về nghĩa vụ của người tiêu dùng. Quy định cụ thể về nghĩa vụ của người tiêu dùng được ghi nhận tại Điều 9 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Theo đó, người tiêu dùng thực phẩm có nghĩa vụ đảm bảo và tạo điều kiện cho công tác bảo vệ người tiêu dùng được thực hiện hiệu quả. Cụ thể, người tiêu dùng có nghĩa vụ kiểm tra hàng hoá trước khi nhận; lựa chọn tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không làm tổn hại đến môi trường, không trái với thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội, không gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của mình và của người khác; thực hiện chính xác, đầy đủ hướng dẫn sử dụng hàng hóa, dịch vụ. [6, Khoản 1 Điều 9]

Đặc biệt so với Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1994, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 khẳng định nghĩa vụ của người tiêu dùng trong việc thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan khi phát hiện thực phẩm lưu hành trên thị trường không bảo đảm an toàn, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng; hành vi của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng. [6, Khoản 2 Điều 9]

Luật An toàn thực phẩm năm 2010 cũng có quy định về nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm tại Khoản 2 Điều 9. Các quy định này có mục đích hướng người tiêu dùng tới việc tự bảo vệ mình và cộng đồng khỏi những ảnh hưởng của việc vi phạm ATVSTP. Khi người tiêu dùng có ý thức trong việc lựa chọn thực phẩm an toàn, chất lượng để sử dụng thì nguy cơ bị thiệt hại đến quyền lợi của chính mình sẽ được giảm xuống đáng kể. Vấn đề còn lại là Nhà nước thực hiện quản lý về ATVSTP và nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ của mình trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

## **2.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

### ***2.2.1. Trách nhiệm chung của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với người tiêu dùng thực phẩm***

Điều 12 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định về “Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng”. Trong đó, quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 liên quan đến trách nhiệm của thương nhân trong lĩnh vực ATVSTP, đó là trách nhiệm “Ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật” và “Cảnh báo khả năng hàng hóa, dịch vụ có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người tiêu dùng và các biện pháp phòng ngừa”. Việc ghi nhãn mác hàng hoá là một hình thức đảm bảo cho thông tin về thực phẩm được cung cấp đầy đủ, tạo điều kiện cho người tiêu dùng dựa vào đó để lựa chọn thực phẩm phù hợp với nhu cầu của mình. Thực hiện cảnh báo về nguy cơ gây nguy hiểm của thực phẩm là trách nhiệm mà chỉ có nhà sản xuất hoặc kinh doanh thực phẩm có thể thực hiện vì họ là chủ thể

hiểu rõ nhất về thực phẩm mà mình đang sản xuất và kinh doanh.

Theo Luật Bảo vệ người tiêu dùng của Thái Lan (1979), Điều 32 của Luật này cũng buộc các tổ chức sản xuất phải công khai các thông tin trên nhãn hàng hóa, dịch vụ, cho dù là thông tin bí mật nếu như vấn đề đó có liên quan đến an toàn của người tiêu dùng.

### ***2.2.2. Quy định trách nhiệm thu hồi hàng hoá có khuyết tật và bồi thường thiệt hại do hàng hoá có khuyết tật gây ra***

Một trong những quy định mang tính đột phá nhất của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 là quy định tại Điều 23 về “Bồi thường thiệt hại do sản phẩm có khuyết tật gây ra” hay trách nhiệm sản phẩm. Cùng với đó là quy định về trách nhiệm thu hồi hàng hoá có khuyết tật tại Điều 22. Các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát chất lượng thực phẩm và đảm bảo ATVSTP ngay từ khâu sản xuất. Đây chính là rào cản pháp lý hữu hiệu để các nhà sản xuất, kinh doanh nghiêm túc tuân thủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản nếu không muốn bị truy cứu trách nhiệm khi sản phẩm mình sản xuất ra gây ảnh hưởng đến người tiêu dùng.

Thực phẩm có khuyết tật ngay từ giai đoạn sản xuất nếu được đưa vào lưu thông thì hậu quả tất yếu sẽ thiệt hại cho người tiêu dùng về tính mạng, sức khoẻ, tài sản. Trước đây, việc quy kết trách nhiệm cho nhà sản xuất đối với những trường hợp này được thực hiện theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 - đặc biệt là các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007 quy định về bồi thường do sản phẩm, hàng hoá không đạt chất lượng trong với tư cách là các quy định bổ sung của Bộ luật Dân sự.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007, người tiêu dùng chỉ có thể yêu cầu Tòa án buộc nhà sản xuất chịu trách nhiệm bồi thường khi chứng minh được đầy đủ bốn vấn đề sau: (i) có thiệt hại xảy ra; (ii) có hành vi trái pháp luật của nhà sản xuất (có hành vi gây thiệt hại); (iii) có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với thiệt hại xảy ra; (iv) nhà sản xuất có lỗi trong việc thực hiện hành vi

gây thiệt hại. Việc chứng minh

có thiệt hại thực tế xảy ra không phải là vấn đề quá khó. Tuy nhiên, việc chứng minh rằng nhà sản xuất có lỗi (vô ý hoặc cố ý) trong việc làm cho sản phẩm có khuyết tật là điều không hề đơn giản (nhiều trường hợp sẽ là không thể) bởi lẽ người tiêu dùng rất khó tiếp cận được với các thông tin về quy trình sản xuất ra sản phẩm. Có thể thấy rằng, với rào cản về trách nhiệm chứng minh như thế, người tiêu dùng sẽ gặp phải những trở ngại rất lớn trong yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Việc ghi nhận về trách nhiệm sản phẩm tại Điều 23 và nghĩa vụ chứng minh của người tiêu dùng tại Khoản 1 Điều 42 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, người tiêu dùng chỉ phải chứng minh sự tồn tại của khuyết tật trong sản phẩm. Đây là một vấn đề khách quan, có thể chứng minh bằng các thí nghiệm hoặc xét nghiệm cần thiết - ngoài việc chứng minh thiệt hại thực tế và mối quan hệ giữa thiệt hại thực tế với khuyết tật<sup>5</sup>. Từ đó làm giảm gánh nặng chứng minh của người tiêu dùng, làm cho việc quy kết trách nhiệm đối với nhà sản xuất được đơn giản hơn. Kết quả là người tiêu dùng có cơ hội và động lực tốt hơn để tiến hành khởi kiện quy trách nhiệm cho nhà sản xuất. Hệ quả đây chuyền sẽ là nhà sản xuất sẽ phải cẩn trọng hơn trong việc thiết kế, sản xuất của mình, đảm bảo rằng sản phẩm làm ra không có khuyết tật hoặc có khuyết tật không đáng kể, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Ở châu Âu, giải pháp này được nhiều quốc gia chấp nhận mà sau này đã được đưa vào trong Chỉ thị năm 1985 của Cộng đồng các quốc gia châu Âu về trách nhiệm sản phẩm (Chỉ thị số 85/374/EEC ngày 25/7/1985). Tinh thần và những nội dung cơ bản của Chỉ thị kể trên đã được các quốc gia trong Cộng đồng các quốc gia Châu Âu nội luật hoá. Chỉ thị này cũng trở thành hình mẫu cho việc xây dựng Luật về trách nhiệm sản phẩm của nhiều quốc gia trên thế

---

<sup>5</sup> Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả này được thực hiện bằng cách chứng minh rằng, nếu như sản phẩm không có khuyết tật, thì thiệt hại không thể xảy ra được; sự tồn tại khuyết tật của sản phẩm (cùng với những hành vi tiêu dùng thông thường của NTD) là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại.



giới, trong đó có Anh (1987), Úc (1992), Nhật Bản (năm 1994), Philippines, Indonesia và Malaysia (1999). Một số nội dung cơ bản trong Chỉ thị số 85/374/EEC là:

(i) Quy định về trách nhiệm bồi thường của nhà sản xuất; liên đới chịu trách nhiệm bồi thường nếu hàng hoá đó là sản phẩm sản xuất qua nhiều công đoạn ở nhiều nhà sản xuất khác nhau;

(ii) Giải thích một số khái niệm cơ bản: về sản phẩm, sản phẩm có khuyết tật; thời điểm sản phẩm đưa ra vào lưu thông; nhà sản xuất;

(iii) Phân chia trách nhiệm chứng minh: người yêu cầu bồi thường thiệt hại: phải chứng minh thiệt hại, khuyết tật và mối quan hệ nhân quả giữa khuyết tật và thiệt hại thực tế đã xảy ra;

(iv) Trường hợp miễn trừ và miễn giảm trách nhiệm cho nhà sản xuất. [20, tr. 7]

So với các quy định của Cộng đồng các quốc gia Châu Âu thì việc ghi nhận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm có khuyết tật theo Điều 23 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam chỉ mới dừng lại ở việc công nhận đây là một trong những trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà chưa có thêm những hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng điều luật này, như là quy định cụ thể thiệt hại do hàng hoá khuyết tật gây ra đến mức độ nào và trong trường hợp nào thì thương nhân có trách nhiệm phải bồi thường cho người tiêu dùng. Điều luật cũng chỉ ghi nhận trách nhiệm sản phẩm đối với nhà kinh doanh sản phẩm, trong khi đó, nhà sản xuất sản phẩm mới chính là chủ thể phải chịu trách nhiệm chính đối với hàng hoá khuyết tật. Thực trạng này làm cho quy định về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm có khuyết tật chưa đạt hiệu quả điều chỉnh tốt nhất.

### ***2.2.3. Quy định trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010***

Điều 3 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 ghi nhận về các nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm, trong đó, quy định tại Khoản 1 là “Bảo đảm an toàn thực phẩm là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm”. Tiếp đó, Luật có những quy định chi tiết về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm và tổ chức cá nhân kinh doanh thực phẩm. Tổ chức, cá nhân sản xuất thực

phẩm có nghĩa vụ gắn liền với quá trình sản xuất và thông tin thành phần, nhãn mác thực phẩm; còn tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm có nghĩa vụ nhiều hơn trong quá trình bảo quản thực phẩm và thông tin về nguồn gốc, xuất xứ của thực phẩm.

Ngoài ra, mọi tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh thực phẩm đều có nghĩa vụ trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi thực phẩm không an toàn do mình sản xuất hoặc kinh doanh gây ra.<sup>6</sup>

Luật An toàn thực phẩm năm 2010 dành Chương IV để quy định về “Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm”. Theo đó, các loại thực phẩm phải đáp ứng đủ hai điều kiện lớn: các điều kiện chung về bảo đảm an toàn và những điều kiện riêng về bảo đảm an toàn tùy theo loại thực phẩm. Trong đó phân định rõ hơn điều kiện bảo đảm an toàn trong từng công đoạn sản xuất, kinh doanh và gắn với từng nhóm sản phẩm cụ thể như sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống, trong chế biến thực phẩm, kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến, thể hiện sự phân loại rõ ràng đối với từng loại sản phẩm thực phẩm. Đặc biệt, tại Mục 5 có quy định riêng về điều kiện bảo đảm an toàn đối với thức ăn đường phố, đây là một loại hình đặc thù cần được quản lý bằng những điều kiện riêng mà trước đây chưa được các văn bản pháp luật nào đề cập đến. Cùng với các quy định trực tiếp về nghĩa vụ, các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn đối với thực phẩm này đã hình thành nên hệ thống nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Luật An toàn thực phẩm của Châu Âu được xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp luật chung về thực phẩm của châu Âu, được thể hiện thông qua Luật An toàn thực phẩm số 178/2002/EC là chủ đạo và bốn luật khác bổ sung bao gồm: 852/2004/EC, 853/2004/EC, 882/2004/EC và 854/2004/EC. Trong đó, có hai văn bản quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của thương nhân đó là:

(i) *Quy định 852/2004/EC về các yêu cầu vệ sinh chung đối với tất cả các cơ*

---

<sup>6</sup>Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm được quy định chi tiết lần lượt tại Khoản 2 Điều 7 và Khoản 2 Điều 8 Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

sở kinh doanh thực phẩm [37]. Trong đó, luật yêu cầu các nhà khai thác kinh doanh thực phẩm phải có trách nhiệm trong mọi giai đoạn, từ khâu sản xuất đến lúc đưa thực phẩm vào kinh doanh bao gồm cả việc chào bán, cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng cuối cùng, được thực hiện một cách hợp vệ sinh theo Quy định này.

(ii) Quy định 853/2004/EC về các yêu cầu bổ sung cụ thể đối với các cơ sở chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật, kể cả nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống và sản phẩm thủy sản[38]. Những quy định này bổ sung cho Quy định 852/2004 về vấn đề vệ sinh thực phẩm. Các điều khoản của Quy định này yêu cầu nhà sản xuất thực phẩm phải đảm bảo các nghĩa vụ về đăng kiểm, đáp ứng các biện pháp kiểm dịch và tiêu chuẩn chất lượng trước khi đưa vào chế biến và sau thành phẩm.

Các quy định trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010 đã ghi nhận tương đối toàn diện về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm, nhằm mục đích điều chỉnh hành vi của nhóm đối tượng này trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh và thậm chí sau khi người tiêu dùng đã sử dụng sản phẩm của họ. Đây là sự kế thừa các quy định của pháp luật quốc tế về ATVSTP.

### **2.3. Các hành vi bị cấm**

#### **2.3.1. Quy định trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định về tám hành vi bị cấm đối với thương nhân. Các hành vi này phù hợp với thông lệ quốc tế về các hành vi thương mại không lành mạnh. Trong đó, có ba quy định liên quan đến việc điều chỉnh hành vi của thương nhân nhằm đảm bảo vấn đề ATVSTP. Đó là các hành vi mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lừa dối; gây nhầm lẫn; cố tình che giấu; cung cấp thông tin không đầy đủ; lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng để cung cấp hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng.[56, Điểm a, Khoản 1; Khoản 7 và Khoản 8 Điều 10]

Điều luật chỉ ghi nhận khái quát về những hành vi của thương nhân với tính chất là hành vi có thể gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm. Nghị định 99/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 cũng không giải thích gì thêm về tính chất, đặc trưng của

các loại hành vi này. Các hành vi bị cấm đối với thương nhân được quy định cụ thể hơn trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

### ***2.3.2. Quy định trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010***

Điều 5 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 liệt kê mười ba loại hành vi bị cấm đối với thương nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các hành vi bị cấm có tính chất là hành vi vi phạm các điều kiện về đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm theo Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007 và các quy định liên quan đến quản lý nhà nước về ATVSTP. Bao gồm các vi phạm về nguyên liệu, chất phụ gia thực phẩm, các quy định về nhãn hàng hoá, nguồn gốc thực phẩm, các điều kiện về kiểm nghiệm thực phẩm, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, điều kiện kinh doanh thực phẩm, người và phương tiện được dùng để chế biến thực phẩm... Các quy định này bước đầu đã thể hiện được mục tiêu điều chỉnh các hành vi sản xuất và kinh doanh của thương nhân, nhằm tránh những rủi ro cho người tiêu dùng, nhưng vẫn chưa toàn diện và bao quát mọi hoạt động của đời sống sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Luật Bảo vệ người tiêu dùng của Bang Quebec, Canada quy định về hành vi thương mại không công bằng và các hành vi bị cấm đối với thương nhân từ Điều 215 đến Điều 243. Trong đó, quy định liên quan đến an toàn thực phẩm tại Điều 219 về cấm thương nhân cung cấp thông tin không đúng sự thật hoặc gây hiểu lầm cho người tiêu dùng về hàng hoá bằng bất cứ hình thức nào. Hay Điều 227 cấm các thương nhân vì mục tiêu lợi nhuận hoặc cạnh tranh mà sản xuất, kinh doanh các loại hàng hoá gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng. [11, tr. 250-251]

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm năm 2010 đều sử dụng phương pháp liệt kê các hành vi bị cấm đối với nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Cách quy định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thi hành pháp luật khi áp dụng vì điều luật đã quy định rõ về hành vi, nếu chủ thể vi phạm thì sẽ bị áp dụng trực tiếp quy định đó để xử lý. Tuy nhiên, phương pháp liệt kê không phải là giải pháp tối ưu nhất cho việc điều chỉnh vấn đề này. Bởi vì các hoạt

động trong đời sống xã hội nói chung và trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nói riêng luôn đa dạng và phát triển không ngừng. Quy định bằng cách liệt kê có thể dẫn tới khả năng thiếu sót các hành vi cần phải bị cấm. Thêm vào đó, ngày càng xuất hiện

nhiều phương thức hoạt động mới của các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm mang tính chất là hành vi thương mại không công bằng gây ảnh hưởng đến trật tự kinh doanh và thiệt hại cho người tiêu dùng thực phẩm mà pháp luật vẫn chưa dự liệu tới. Trong khi đó, theo tìm hiểu thì pháp luật EU lại nêu ra các nguyên tắc cần được đảm bảo trong hoạt động của các thương nhân và cấm họ thực hiện mọi hành vi vi phạm các nguyên tắc đó. Mỗi cách quy định đều có những ưu điểm và hạn chế riêng và mang đặc trưng quan điểm pháp lý của mỗi quốc gia.

#### **2.4. Giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại Điều 30. Theo đó, có bốn phương thức giải quyết tranh chấp đó là thương lượng, hoà giải, trọng tài và toà án. Luật còn quy định không được thương lượng, hoà giải trong trường hợp tranh chấp gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của nhiều người tiêu dùng và lợi ích công cộng. Trong số bốn phương thức trên, hầu hết các quốc gia ghi nhận việc sử dụng ba phương thức giải quyết tranh chấp là thương lượng, hoà giải và toà án trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân trong lĩnh vực ATVSTP.

*Thứ nhất*, về phương thức thương lượng.

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 chỉ quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc tiếp nhận và tiến hành thương lượng với người tiêu dùng trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ lúc nhận được yêu cầu tại Khoản 2 Điều 31. Ngoài ra, không có quy định nào khác về nghĩa vụ phải giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng.

Quy định của pháp luật Việt Nam về phương thức thương lượng giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng thực phẩm với thương nhân trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm chỉ là việc công nhận sự tồn tại của phương thức này. Pháp luật

thiếu các quy định về nghĩa vụ của thương nhân trong tiếp nhận yêu cầu của người tiêu dùng, nghĩa vụ giải quyết, thời hạn giải quyết. Cũng không có một chế tài nào trong trường hợp doanh nghiệp cố tình phớt lờ các yêu cầu của người tiêu dùng thực phẩm. Các thiếu sót này làm cho việc giải quyết tranh chấp bằng thương lượng giữa người tiêu dùng và thương nhân không thể mang lại hiệu quả nếu thương nhân không thực sự có thiện chí giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng.

*Thứ hai, về phương thức hòa giải.*

Pháp luật Việt Nam quy định về phương thức hoà giải trong giải quyết tranh chấp về quyền lợi người tiêu dùng theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 từ Điều 33 đến Điều 37 và được hướng dẫn chi tiết từ Điều 31 đến Điều 33 Chương V của Nghị định 99/2011/NĐ-CP. Theo đó, các điều kiện về tổ chức hoà giải, hoà giải viên, nguyên tắc hoà giải, thực hiện kết quả hoà giải thành được quy định chặt chẽ và có tính khả thi cao. Do đó, đây được xem là một phương thức hữu hiệu trong quá trình giải quyết tranh chấp về quyền lợi người tiêu dùng tại Việt Nam. Quy định bên thứ ba tham gia hoà giải có thể là cá nhân hoặc tổ chức hoà giải theo Điều 33 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 về hình thức thì có thể làm đa dạng chủ thể có thể tham gia với tư cách hoà giải viên. Tuy nhiên, nó lại không có ý nghĩa trên thực tế vì các bên khi lựa chọn phương thức hoà giải thì thường chỉ tin tưởng vào một tổ chức uy tín hoặc cá nhân nhân danh tổ chức đó thực hiện việc hoà giải.

*Thứ ba, về phương thức tố tụng tại tòa án.*

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 kế thừa các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thế giới thông qua các quy định từ Điều 41 đến Điều 46. Trong đó, đáng chú ý nhất là các quy định về:

(i) Quyền khởi kiện tập thể do tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện tại Khoản 1 Điều 41;

(ii) Ngoại lệ của nguyên tắc xét xử hai cấp là thủ tục xét xử rút gọn đối với vụ việc cá nhân là người tiêu dùng khởi kiện tổ chức, cá nhân trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng bị khởi kiện, vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng, giá

trị giao dịch dưới một trăm triệu đồng tại Khoản 2 Điều 41<sup>7</sup>;

(iii) Giảm nhẹ nghĩa vụ chứng minh cho người tiêu dùng khi người tiêu dùng không phải chứng minh lỗi của thương nhân mà chính thương nhân phải có nghĩa vụ chứng minh mình không có lỗi gây ra thiệt hại theo Khoản 1,2 Điều 42;

(iv) Miễn án phí, lệ phí Tòa án kể cả khi thua kiện khi người tiêu dùng khởi kiện theo Khoản 2 Điều 43. Cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí<sup>8</sup>.

Trong số các cơ quan tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì Tòa án có một vai trò hết sức đặc biệt. Bởi lẽ khi xử lý các hành vi xâm phạm lợi ích của người tiêu dùng, Tòa án phải tuân theo một trình tự, thủ tục hết sức chặt chẽ, và nhân danh nhà nước để xử lý; chế tài được áp dụng cho các đối tượng xâm phạm lợi ích người tiêu dùng, trong nhiều trường hợp là rất nghiêm khắc, có tính răn đe, giáo dục mạnh mẽ; quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành cao và bảo vệ được triệt để quyền lợi của người tiêu dùng. Trong những trường hợp cần thiết và theo yêu cầu của người khởi kiện trước khi thụ lý, trong quá trình tố tụng, Tòa án có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ ngay các lợi ích cấp bách của đương sự. Theo pháp luật hiện hành, thì Tòa án có quyền áp dụng chế tài dân sự (nhất là trong các vụ kiện đòi bồi thường theo hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng) và chế tài hình sự. Việc áp dụng chế tài hình sự được tiến hành theo trình tự, thủ tục về tố tụng hình sự. Việc áp dụng chế tài dân sự trong các vụ kiện dân sự được tiến hành theo trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đồng thời, Tòa hành chính cũng có vai trò nhất định bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua việc xem xét các hành vi hành chính, quyết định hành chính của người có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng bị khởi kiện tại Tòa hành chính.

Ở nước ta, không có Tòa án chuyên trách về bảo vệ người tiêu dùng. Các vụ

---

<sup>7</sup>Chi tiết về thủ tục rút gọn được quy định tại *Phần thứ tư: Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn* của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

<sup>8</sup>Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 13/6/2012 hướng dẫn một số điều của Pháp lệnh Phí và lệ phí.

kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng được xếp vào loại vụ kiện dân sự và có thể được giải quyết theo Bộ luật dân sự và các

văn bản có liên quan đã quy định. Toà án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc nếu có đơn khởi kiện của người tiêu dùng hoặc đại diện tập thể người tiêu dùng [23]. Các nguyên nhân làm cho người tiêu dùng chưa tích cực trong việc tiến hành khởi kiện và hiệu quả giải quyết của Toà án chưa cao là:

*Thứ nhất*, pháp luật nước ta chưa quy định rõ ai sẽ là người bị kiện trong chuỗi phân phối hàng hoá từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng. Chính vì thế, trong thực tiễn áp dụng, khi muốn khởi kiện, người tiêu dùng cũng lúng túng không biết nên tiến hành khởi kiện với ai: nhà sản xuất, nhà phân phối hay người bán lẻ?

*Thứ hai*, do thói quen của người tiêu dùng: trên thực tế, khi mua hàng hoá, người tiêu dùng thường không có thói quen giữ lại các hoá đơn, chứng từ cần thiết. Chính vì thế, khi vụ việc xảy ra, người tiêu dùng sẽ gặp khó khăn trong việc thu thập các loại tài liệu, chứng cứ để chứng minh mình đã mua và đã tiêu dùng loại sản phẩm không an toàn, gây thiệt hại cho bản thân mình.

*Thứ ba*, trong nhiều trường hợp để kết luận sản phẩm có chứa chất độc tố hoặc có ảnh hưởng đến người tiêu dùng phải qua quy trình kiểm tra, giám định nghiêm ngặt mới phát hiện được; nhưng hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm hiện nay chưa đủ lực, chưa trở thành công cụ cung cấp chứng cứ thuận lợi cho người tiêu dùng khi khởi kiện cũng là một trở ngại khi người tiêu dùng muốn khiếu nại, khởi kiện.

*Thứ tư*, việc chứng minh thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại với thiệt hại mà người tiêu dùng phải gánh chịu trong thực tế rất phức tạp, nhất là đối với các vụ việc liên quan tới các loại thực phẩm độc hại nhưng chưa gây bệnh ngay tức khắc. Trong trường hợp đó, nguyên đơn rất khó chứng minh và thuyết phục được Toà án rằng, những tổn hại về sức khoẻ hoặc các thiệt hại khác mà mình gánh chịu chỉ xuất phát từ việc tiêu thụ những loại sản phẩm độc hại liên quan trong vụ kiện. Người khởi kiện sẽ không được bồi thường nếu không chứng minh được tác hại của sản phẩm đối với bản thân.



## **2.5. Chế tài xử phạt hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 ra đời đã thực hiện việc bổ sung các quy định về chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đây cũng là cơ sở để dẫn chiếu đến các quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực ATVSTP gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Chế tài áp dụng đối với các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm được đề cập trong Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và các Nghị định liên quan.

Các nguyên tắc chung về xử lý hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm được nêu tại Điều 11 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Điều 6 Luật An toàn thực phẩm năm 2010. Theo đó, tổ chức, cá nhân, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và ATVSTP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (đối với cá nhân), nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có ba loại chế tài có thể bị áp dụng đối với hành vi của tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng.

### ***2.5.1. Chế tài dân sự***

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, việc áp dụng chế tài dân sự đối với hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm chỉ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng khi có yêu cầu của người bị xâm phạm. Mỗi hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng khác nhau thì áp dụng các chế tài dân sự khác nhau. Ngoài ra, sự thoả thuận giữa người tiêu dùng với thương nhân cũng là một căn cứ để lựa chọn áp dụng biện pháp chế tài dân sự đối với các hành vi vi phạm. [11, tr. 189]

Bộ luật Dân sự năm 2005 có nhiều quy định liên quan đến việc xử lý hành vi xâm phạm quyền lợi của người tiêu dùng nói chung. Cụ thể Điều 604 quy định:

“Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Trong trường hợp pháp luật quy định người gây thiệt hại phải bồi thường cả trong trường hợp không có lỗi thì áp dụng quy định đó”. Điều 630 quy định “Cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác sản xuất, kinh doanh không bảo đảm chất lượng hàng hoá mà gây thiệt hại cho người tiêu dùng thì phải bồi thường”. Nguyên tắc bồi thường được quy định tại Điều 605 theo hướng thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường là hai năm được quy định tại Điều 607. Bên cạnh đó, Điều 608 quy định cách xác định thiệt hại khi tài sản bị xâm phạm; Điều 609 quy định cách xác định thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm; Điều 610 quy định cách xác định thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm.

Các loại chế tài dân sự có thể được áp dụng bao gồm:

(i) Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm (Điểm b Khoản 2 Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2005). Hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng được thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Vì vậy, thương nhân phải tuyệt đối tôn trọng quyền lợi của người tiêu dùng thực phẩm, thể hiện qua việc thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình. Nếu nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải thực hiện những hành vi nhất định vì quyền lợi của người tiêu dùng mà lại không thực hiện thì dẫn tới hậu quả pháp lý là phải thực hiện hành vi theo yêu cầu của pháp luật hoặc thoả thuận với người tiêu dùng. Ngược lại, với những trường hợp tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ không được thực hiện những hành vi nhất định theo quy định của pháp luật mà lại cố ý thực hiện thì họ bị buộc phải chấm dứt hành vi đó.

(ii) Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự (Điểm d Khoản 2 Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2005). Pháp luật bắt buộc thương nhân phải thực hiện những cam kết theo sự thoả thuận đối với người tiêu dùng. Đây là những cam kết được hình thành dựa trên nguyên tắc tự do thoả thuận. Giới hạn của thoả thuận này là những điều cấm của pháp luật và tính trái đạo đức xã hội. Nếu thương nhân vi phạm các cam kết, thoả thuận này thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng.

(iii) Buộc phải bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng (Điểm đ Khoản 2 Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2005). Hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng nói chung và người tiêu dùng thực phẩm nói riêng có thể gây thiệt hại về sức khoẻ, tinh thần,

tính mạng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người tiêu dùng. Nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm nếu có hành vi gây thiệt hại cho người tiêu dùng thì phải bồi thường thiệt hại. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng do thoả thuận giữa người tiêu dùng và thương nhân, hoặc do luật định. Bộ luật Dân sự năm 2005 ghi nhận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, còn việc áp dụng được thực hiện theo Điều 23 về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng hoá có khuyết tật gây ra trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 đã được phân tích ở phần “Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm”.

(iv) Các biện pháp dân sự khác (Điểm c Khoản 2 Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2005). Bên cạnh các biện pháp nói trên, hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP có thể bị áp dụng một số hậu quả pháp lý khác, như xin lỗi công khai, cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tuy nhiên, có một hạn chế của chế tài bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng đó là luật chưa xác định rõ được trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các chủ thể trong khâu liên thông sản xuất, phân phối, cung ứng thực phẩm đến tay người tiêu dùng, gây khó khăn cho việc quy trách nhiệm đối với từng chủ thể khi có vi phạm xảy ra. Bên cạnh đó, chế tài dân sự liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP chỉ nằm trong các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 – vốn là đạo luật chung điều chỉnh các vi phạm trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Do đó, các chế tài này chưa mang tính chuyên biệt và không thực sự phát huy hiệu quả khi áp dụng để xử lý các hành vi vi phạm của thương nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

### **2.5.2. Chế tài hành chính**

Các biện pháp xử phạt hành chính liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP rất đa dạng và được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Bao gồm Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo Nghị định số 54/2009/NĐ-CP của Chính phủ; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rượu và thuốc lá theo Nghị định số 06/2009/NĐ-

CP của Chính phủ; Nghị định số 76/2010/NĐ-CP ngày 12/07/2010 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2009/NĐ-CP. Các quy định chi tiết liên quan đến nội dung này được ghi nhận trong Nghị định 19/2012/NĐ-CP ngày 16/03/2012 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Nghị định 19/2012/NĐ-CP) và Nghị định 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm (Nghị định 178/2013/NĐ-CP). Tác giả chỉ tập trung phân tích hai Nghị định này để làm rõ nội dung các biện pháp hành chính có thể bị áp dụng đối với chủ thể vi phạm.

Điều 25 Nghị định số 19/2012/NĐ-CP quy định về “Hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng”. Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm không đảm bảo chất lượng có thể bị xử phạt theo Nghị định số 54/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoặc phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 25 trong một số trường hợp nhất định; bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện vi phạm hành chính; bị buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả như thu hồi thực phẩm không đảm bảo chất lượng và buộc nộp ngân sách nhà nước số lợi bất chính thu được từ hành vi vi phạm.

Cùng với chế tài hành chính chung trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010 sẽ bị áp dụng các chế tài hành chính trong Nghị định số 178/2013/NĐ-CP. Các quy định trong Nghị định này chỉ tác động đến chủ thể là nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm, với mục tiêu răn đe và chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật về ATVSTP. Nghị định quy định cụ thể về hai mươi sáu loại vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATVSTP, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính. Các vi phạm bao gồm

vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với sản phẩm thực phẩm; điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu; về

thông tin, giáo dục an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm; truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không an toàn.

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Mức phạt tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm là một trăm triệu đồng đối với cá nhân và hai trăm triệu đồng đối với tổ chức<sup>9</sup>. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung: (i) tước quyền sử dụng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; (ii) tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm. Ngoài ra, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Các quy định về chế tài hành chính còn những hạn chế sau đây:

*Thứ nhất*, tại Khoản 8 Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cấm tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người tiêu dùng. Rõ ràng pháp luật có quy định cấm, nhưng trong thực tế với hành vi vi phạm quy định cấm này nếu bị cơ quan chức năng phát hiện, thì mức xử phạt vi phạm hành chính chưa tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi vi phạm gây ra. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 80/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

---

<sup>9</sup> Quy định tại Khoản 2 Điều 6 Luật An toàn thực phẩm đối với các trường hợp quy mô vi phạm lớn. Theo đó “Trường hợp áp dụng mức phạt cao nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà vẫn còn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì mức phạt được áp dụng không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm”.

tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đối tượng vi phạm có thể chỉ bị phạt tiền từ 6 đến 10 triệu đồng. Mức xử phạt này vẫn còn nhẹ, thiếu tính răn đe và lại càng không bảo đảm tính phòng ngừa chung trong tình hình hiện nay.

*Thứ hai*, tại Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định những hành vi bị cấm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Điều 11 của Luật này có quy định về việc xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Gần đây nhất, Chính phủ ban hành Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2016. Nghiên cứu nội dung các Nghị định này, tác giả thấy rằng hầu hết các hành vi bị cấm tại Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 được cụ thể hóa bằng những hành vi vi phạm cụ thể và quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với từng hành vi vi phạm khá rõ ràng. Tuy nhiên, khi Nghị định 185/2013/NĐ-CP thay thế Nghị định 19/2012/NĐ-CP, thì nhiều hành vi vi phạm hành chính trước đây được quy định tại Nghị định 19/2012/NĐ-CP đã được lược bỏ, đồng nghĩa với một số hành vi theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 bị cấm, nhưng nếu thương nhân vi phạm những hành vi bị cấm đó thì cơ quan chức năng sẽ lúng túng trong xử lý vì thiếu cơ sở pháp lý để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Cụ thể là các hành vi sau: yêu cầu người tiêu dùng thanh toán hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp mà không có thỏa thuận trước; cung cấp hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng; lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng hoặc lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để cung cấp hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng.

### ***2.5.3. Chế tài hình sự***

Chế tài hình sự đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là loại chế tài nặng nề nhất, được áp dụng đối với những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm trong Bộ luật Hình sự hiện hành. Đặc

trung của chế tài hình sự trong pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia trên thế giới là chủ thể chịu áp dụng loại chế tài này phải có năng lực trách nhiệm hình sự - chỉ được xác định đối với cá nhân, không áp dụng đối với tổ chức.

Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định trực tiếp về “Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm” tại Điều 244. Theo đó, người nào chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết rõ đó là thực phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh, gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm, nếu phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm và có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung.

Như vậy, mức phạt tối đa cho tội danh này là mười lăm năm tù. Đây được xem là một quy định có ý nghĩa thực tiễn của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Việc ghi nhận tội danh này trong Bộ luật Hình sự thể hiện sự coi trọng của các nhà làm luật Việt Nam đối với vấn đề vi phạm pháp luật ATVSTP, nhận thức được hậu quả nghiêm trọng mà hành vi này gây ra, thực hiện hình sự hoá tội danh này – được xem là biện pháp chế tài mạnh nhất đối với hành vi vi phạm quy định về ATVSTP, gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự hiện hành còn xác định các loại tội phạm xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Các tội phạm này chủ yếu thuộc nhóm tội phạm quản lý trật tự kinh tế. Các biện pháp chế tài được áp dụng với các tội phạm này khá đa dạng gồm cả phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc có trường hợp có thể phạt tù tới 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Cụ thể như sau:

- (i) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả quy định tại Điều 156;
- (ii) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh quy định tại Điều 157;
- (iii) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều 158;

(iv) Tội quảng cáo gian dối quy định tại Điều 168<sup>10</sup>.

Ngoài các hình phạt chính được áp dụng đối với một tội phạm và được toà án tuyên độc lập, còn có các hình phạt bổ sung với tính chất là không thể tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm với hình phạt chính. Mỗi tội phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình phạt bổ sung, bao gồm: phạt tiền với mức phạt bổ sung thấp nhất là năm triệu đồng và cao nhất là năm mươi triệu đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định trong thời hạn từ một đến năm năm theo Khoản 4 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Các tội phạm được phân tích ở trên có tính chất là các hành vi vi phạm pháp luật về ATVSTP và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, dẫn tới không đảm bảo chất lượng thực phẩm, làm rối loạn thị trường, mất trật tự xã hội và đặc biệt là gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, tính mạng và các quyền và lợi ích khác của người tiêu dùng thực phẩm. Việc ghi nhận các tội phạm này trong Bộ luật Hình sự hiện hành thể hiện chủ trương hình sự hoá tội phạm vi phạm các quy định về ATVSTP và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phù hợp với xu hướng quốc tế.

Các quy định liên quan đến chế tài hình sự có những hạn chế sau đây:

(i) Việc pháp luật hình sự Việt Nam chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự cá nhân mà không truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân là một hạn chế lớn trong xử lý hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng bằng pháp luật hình sự. Bởi vì thực tế cho thấy, chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng chủ yếu là pháp nhân chứ không phải là cá nhân.

(ii) Ngày càng có nhiều loại hành vi mới làm xâm hại đến quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm gây hậu quả nghiêm trọng nhưng chưa được quy định trong Bộ luật Hình sự, làm thiếu căn cứ cho quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(iii) Các quy định về trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng còn nằm rải rác ở nhiều điều luật mà không được tập

---

<sup>10</sup>Bộ luật Hình sự ghi nhận sáu tội phạm liên quan đến xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài bốn tội phạm liên quan đến lĩnh vực ATVSTP, còn có quy định về Tội lừa dối khách hàng quy định tại Điều 162 và Tội làm tem giả, vé giả quy định tại Điều 165.



trung vào một chương trong Bộ luật hình sự hiện hành, thể hiện sự nhìn nhận chưa đầy đủ và nghiêm túc đối với loại tội phạm này và hậu quả nghiêm trọng mà nó gây ra cho xã hội.

(iv) Hình phạt được đánh giá là chưa đủ nghiêm khắc để mang lại hiệu quả răn đe và phòng ngừa cho toàn xã hội.

## **2.6. Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm**

### **2.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP được phân công và phân cấp cho nhiều cơ quan nhà nước cùng tham gia. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định chung là các bộ, cơ quan ngang bộ không phải là Bộ Công thương có trách nhiệm “phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng” và Luật cũng không đề cập đến cơ quan cụ thể nào. Luật còn khẳng định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp tại Khoản 4 Điều 4 đóng vai trò là cơ quan bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương, thực hiện nhiệm vụ theo phân công trực tiếp của cấp trên và có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hỗ trợ, tư vấn cho người tiêu dùng. [16]

Luật An toàn thực phẩm năm 2010 đã chuyển hoạt động quản lý về ATVSTP sang cơ chế quản lý theo nhóm sản phẩm. Đây được xem là một chính sách quan trọng của Luật An toàn thực phẩm năm 2010, theo đó, *việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về ATVSTP được xác định theo hướng quản lý theo nhóm sản phẩm thay vì quản lý theo phân khúc sản xuất, kinh doanh thực phẩm với hi vọng khắc phục sự chòng chéo trong quản lý nhà nước về ATVSTP của các Bộ, ngành đồng thời xác định rõ hơn trách nhiệm mỗi Bộ, ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước về ATVSTP*. Việc quy định phân công quản lý nhà nước giao cho ba Bộ gồm Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương được hướng dẫn cụ thể trong Thông tư số 13/2014/TTLT/BYT-BNN-BCT. Thông tư này quy

định nguyên tắc quan trọng trong việc phân công quản lý, đó là một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý Nhà nước. Về lý thuyết, đây là tư duy quản lý tiến bộ, xuất phát từ lợi ích của đối tượng chịu sự quản lý thay vì lợi ích của chủ thể quản lý. Việc đưa ra nguyên tắc này được kỳ vọng sẽ giúp khắc phục tình trạng chông chéo trong quản lý ATVSTP.

Theo quy định hiện hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý giai đoạn xuyên suốt từ sản xuất đến nơi tiêu thụ đối với thực phẩm tươi sống sản xuất trong nước và thực phẩm tươi sống nhập khẩu. Các thực phẩm khác thì chỉ quản lý ở khâu sản xuất thực phẩm ban đầu và sơ chế thực phẩm. Bộ Y tế quản lý thực phẩm nhập khẩu nhưng trừ thực phẩm tươi sống (do Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quản lý), cơ sở chế biến thực phẩm, kinh doanh thực phẩm. Bộ Công Thương sẽ phối hợp với hai Bộ trên để thanh tra, kiểm tra thực phẩm lưu thông trên thị trường, thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng. Ngoài ra, Bộ Y tế chỉ quản lý thực phẩm khi đã đến tay người tiêu dùng. Khi kiểm tra nếu trong trường hợp không bảo đảm chất lượng vệ sinh thì Bộ Y tế chỉ thu được mẫu thực phẩm. Còn toàn bộ thực phẩm nhiễm bẩn đã bán ngoài chợ thì không thể tịch thu được do không thuộc quản lý của Bộ Y tế. Như vậy, trên thực tiễn hoạt động, sự chông chéo trong quản lý nhà nước về ATVSTP vẫn còn tồn tại và gây ảnh hưởng đến cơ chế quản lý nhà nước về ATVSTP, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

### ***2.6.2. Tổ chức xã hội về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm***

Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được quy định tại Điều 27, 28, 29 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Các hoạt động của tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại Việt Nam bao gồm hướng dẫn, tư vấn người tiêu dùng khi có yêu cầu; đại diện người tiêu dùng khởi kiện hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng; tham gia xây dựng pháp luật, chủ trương, chính sách, kế hoạch và biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức tiêu dùng. [10]

Quyền khởi kiện tập thể thông qua tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, người tiêu dùng có nhiều điều kiện cũng như cơ hội để được bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Lợi ích của việc khởi kiện tập thể là tăng cường sức mạnh cho

tập thể những người tiêu dùng bị xâm phạm quyền lợi, tạo sức ép lớn lên thương nhân vi phạm và tiết kiệm chi phí cho Nhà nước[27, tr. 53-58].

Hiện nay, trên cả nước đã có 52 Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong đó có 51 Hội hoạt động trên phạm vi một tỉnh, thành phố và 01 Hội hoạt động trên phạm vi cả nước là Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam – Vinastas<sup>11</sup>. Vinastas cũng là thành viên của Tổ chức Quốc tế người tiêu dùng.

Hoạt động bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng của các Hội Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa theo kịp với những diễn biến phức tạp của các vi phạm pháp luật liên quan đến người tiêu dùng. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quyền thay mặt người tiêu dùng thực hiện việc khởi kiện trước tòa, tuy nhiên, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ít thực hiện hoạt động này. Nguyên nhân là do các quy định của pháp luật về tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chưa đầy đủ và còn nhiều quy định không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn và trở ngại lớn cho hoạt động của tổ chức này. Ngoài ra, các tổ chức xã hội khởi kiện doanh nghiệp vẫn phải chịu chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện. Nếu thua kiện, họ phải trả toàn bộ án phí, bao gồm cả tiền luật sư, chi phí kiểm định, và các chi phí liên quan. Trường hợp thắng kiện, họ không được hưởng tiền phạt doanh nghiệp vì hiện tại tiền này được nộp vào ngân sách nhà nước. Rõ ràng, dù thắng hay thua thì các tổ chức xã hội dân sự đều không được hoàn chi phí và rủi ro với họ quá cao. Trong khi đó, tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận, kinh phí hoạt động là từ nguồn hỗ trợ của ngân sách nhà nước. Vấn đề về cơ chế tài chính này đã làm hạn chế kết quả hoạt động của tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

---

<sup>11</sup> Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam - Vinastas: <<http://vinastas.org>>.

## **Kết luận Chương 2**

Từ những phân tích chi tiết về quy định của pháp luật Việt Nam, so sánh với pháp luật của các nước trên thế giới, tác giả rút ra một số kết luận sau:

1. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP của Việt Nam có đầy đủ những nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nói chung. Đó là hệ thống pháp luật từ các đạo luật chung như Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 1999, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 đến các quy định chuyên ngành trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007 và hàng loạt các văn bản dưới luật khác. Qua đó, có thể nhận thấy quan điểm về xây dựng một đạo luật riêng quy định vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP là không thể thực hiện được. Cần thiết phải có sự liên kết, dẫn chiếu và kết hợp điều chỉnh của các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau để tạo nên khung pháp lý hoàn thiện nhất cho vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP.

2. Trong xu thế toàn cầu hoá, yêu cầu tất yếu là pháp luật các quốc gia cần phải ngày càng tương đồng với nhau để tạo nên một khung pháp lý toàn cầu, đầu tiên là đối với những lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động thương mại của con người. Các quy định của pháp luật Việt Nam phần lớn là tương tự với pháp luật của các nước trên thế giới. Một số khác biệt còn tồn tại là do sự khác nhau về thể chế chính trị, quan điểm pháp luật, trình độ lập pháp hay trình độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Việc so sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP giúp chúng ta nhìn nhận được những điểm hợp lý cũng như những hạn chế trong pháp luật nước mình, từ đó có đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP hiện nay

**CHƯƠNG 3**  
**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT**  
**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**  
**TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

Thông qua việc phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, so sánh với quy định của pháp luật quốc tế và các quốc gia trên thế giới, tác giả nhận thấy pháp luật Việt Nam, mà chủ yếu là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật An toàn thực phẩm năm 2010 đã có những sửa đổi, bổ sung kịp thời và đầy đủ các khiếm khuyết trong các văn bản pháp luật cũ là Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1999 và Pháp lệnh Vệ sinh, an toàn thực phẩm năm 2003. Bên cạnh đó, một số quy định và nội dung pháp luật vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và thiếu sót, làm cho tính ứng dụng của các điều luật chưa cao, từ đó dẫn đến công tác bảo vệ cũng như thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP chưa đạt hiệu quả tốt nhất. Thông qua các nhận xét, đánh giá ở Chương 2, tác giả sẽ đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.

**3.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm**

Các quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm trong pháp luật nước ta hiện nay được đánh giá là đầy đủ, phù hợp với thông lệ quốc tế và nguyên tắc pháp luật của quốc gia. Cụ thể, các quy định này là sự kế thừa theo Bản hướng dẫn về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1985 của Liên Hợp Quốc, các nguyên tắc về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các văn bản của Tổ chức Quốc tế người tiêu dùng, các quyền cơ bản của con người theo Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 và các quyền con người đã được công nhận trong Hiến pháp năm 2013. Đây là nội dung duy nhất mà tác giả nhận thấy pháp luật Việt Nam đã quy định hoàn chỉnh.

### **3.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

#### ***3.2.1. Quy định về bồi thường thiệt hại do sản phẩm có khuyết tật gây ra hay trách nhiệm sản phẩm***

Tác giả cho rằng cần thiết phải có các hướng dẫn bổ sung về việc buộc các nhà sản xuất, phân phối, cung cấp thực phẩm có các cam kết và trách nhiệm cụ thể về các trường hợp họ sẽ chịu trách nhiệm bồi thường trực tiếp cho người tiêu dùng, mức bồi thường và phải công bố công khai. Công nhận bất cứ thiệt hại nào xảy ra đối với người tiêu dùng thực phẩm có nguyên nhân từ việc sử dụng các thực phẩm không đảm bảo chất lượng như đã cam kết của thương nhân thì họ buộc phải bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng. Đây sẽ là công cụ có hiệu quả vừa để nhà sản xuất, phân phối, cung cấp dịch vụ nâng cao trách nhiệm, vừa để thuận tiện cho người tiêu dùng trực tiếp yêu cầu nhà sản xuất, phân phối, cung cấp dịch vụ phải bồi thường thiệt hại cho mình.

#### ***3.2.2. Hệ thống các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện sản xuất, kinh doanh các loại thực phẩm trong Luật An toàn thực phẩm***

Các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chuẩn trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà pháp luật chuyên ngành về an toàn thực phẩm hiện nay đã tạo nên một cơ sở pháp lý hoàn thiện điều chỉnh các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong bối cảnh các chủng loại thực phẩm trên thị trường ngày càng đa dạng và phong phú. Với sự phát triển không ngừng của nhu cầu xã hội, trong tương lai sẽ xuất hiện nhiều loại thực phẩm mới. Do đó, pháp luật cần có các quy định dự liệu khi những thực phẩm mới xuất hiện, chưa được quy định về tiêu chuẩn, chất lượng trong luật, thì có thể dẫn chiếu đến các quy định trong các văn bản dưới luật của các cơ quan chuyên môn về vấn đề An toàn thực phẩm của Cục An toàn thực phẩm, Cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, lấy đó là cơ sở pháp lý tạm thời điều chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động thương mại phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng thực phẩm và phát triển kinh tế đất nước.

Bên cạnh đó, trong xu thế toàn cầu hoá, cần thiết phải xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về ATVSTP phù hợp với khu vực và thế giới, nhằm đảm bảo quyền

của người tiêu dùng thực phẩm Việt Nam là ngang bằng với công dân của các quốc gia khác trên thế giới. Bởi vì quyền con người nói chung và quyền của người tiêu dùng thực phẩm nói riêng đều đã được công nhận trong Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 và Bản hướng dẫn về bảo vệ người tiêu dùng năm 1985 của Liên Hợp Quốc. Việt Nam cần xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn về ATVSTP theo chuẩn quốc tế và đặc thù của Việt Nam. Mục đích cuối cùng là áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào thị trường trong nước, nâng cao tiêu chuẩn về ATVSTP theo tiêu chuẩn chung của quốc tế. Mặt khác, tăng cường khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn quốc tế về ATVSTP. Nâng cao năng lực quốc gia về kiểm soát ATVSTP, kiểm nghiệm các thực phẩm có nguy cơ mất an toàn là các biện pháp tốt nhất để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường quốc tế hàng nông, thủy sản, nâng cao hình ảnh quốc gia, tạo môi trường thuận lợi cho hội nhập, bảo vệ sức khoẻ và tính mạng của người dân khỏi các đại dịch. Để đạt được những yêu cầu đó, cần thiết phải có sự phối hợp giữa các cơ quan soạn thảo, tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong việc xây dựng tiêu chuẩn, chất lượng an toàn thực phẩm và các quy định quản lý để có thể bắt buộc doanh nghiệp thực hiện một cách có hiệu quả, tránh tình trạng áp đặt hoặc xây dựng tiêu chuẩn không dựa trên những chứng cứ khoa học.

### **3.3. Các hành vi bị cấm**

Một hệ thống pháp luật hiệu quả là khi nó điều tiết được mọi hoạt động của các chủ thể thuộc phạm vi điều chỉnh của nó và có tính dự liệu cao. Để thực hiện được điều này, theo kinh nghiệm của các quốc gia phát triển, cách thức hiệu quả nhất để điều chỉnh các hành vi bị cấm là nên xây dựng hệ thống quy định theo hướng mô tả những dấu hiệu đặc trưng nhất của những hành vi đó. Để khi thương nhân thực hiện bất kỳ một hành vi nào có dấu hiệu thuộc một trong các mô tả trong điều luật thì sẽ bị coi như vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cách quy định này sẽ bao quát được mọi dạng hành vi bị cấm đối với thương nhân mà pháp luật mong muốn điều chỉnh. Tuy nhiên, để điều luật này phát huy hiệu quả thì yêu cầu các mô tả trong điều luật phải hợp lý và có tính thích ứng cao, tránh trường hợp điều luật lại trở thành nguyên tắc chung dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn.

### **3.4. Giải quyết tranh chấp với người tiêu dùng thực phẩm**

#### ***3.4.1. Giải quyết tranh chấp bằng trình tự thương lượng***

Các quy định đơn giản về trình tự giải quyết tranh chấp bằng thương lượng làm cho phương thức này trở nên không hiệu quả trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Trường hợp này có thể tham khảo kinh nghiệm của Australia về quy định tương tự trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng của quốc gia này. Theo đó, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Australia (Australian Consumer Law – ACL) quy định nếu có người tiêu dùng gửi yêu cầu cho một doanh nghiệp về một sản phẩm mà họ đã mua từ doanh nghiệp đó, doanh nghiệp có nghĩa vụ bắt buộc phải cung cấp một giải trình phù hợp theo các quy định về quyền lợi của người tiêu dùng trong ACL. Nếu doanh nghiệp không tuân thủ, người tiêu dùng có quyền: (i) gửi yêu cầu của mình lên Ủy ban Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng Australia (Australian Competition and Consumer Commission – ACCC) hoặc Hội bảo vệ người tiêu dùng ở địa phương, hoặc (ii) có kiến nghị lên tòa án chuyên trách địa phương hoặc thẩm phán tòa án. Quyết định của thẩm phán hoặc thành viên tòa chuyên trách địa phương sẽ có hiệu lực pháp luật [35]. Quy định này đã làm cho trình tự thương lượng trở nên vô cùng hiệu quả, loại bỏ được trường hợp doanh nghiệp cố tình phớt lờ yêu cầu của người tiêu dùng. Bởi vì doanh nghiệp luôn muốn nhanh chóng giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng bằng cách thương lượng trực tiếp với người tiêu dùng, nếu không họ sẽ phải giải quyết yêu cầu đó ở các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, với quá trình phức tạp hơn rất nhiều. Tác giả cho rằng pháp luật Việt Nam nên tiếp thu tư tưởng này của pháp luật Australia.

#### ***3.4.2. Quyền khởi kiện tập thể để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại Tòa án của người tiêu dùng***

*Thứ nhất*, pháp luật Việt Nam đã có những quy định cần thiết cho phép người tiêu dùng khởi kiện tập thể thông qua đại diện của mình, là các tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đây là hình thức khởi kiện tập thể duy nhất được pháp luật Việt Nam công nhận. Pháp luật các nước châu Âu có quy định về các hình thức khởi kiện tập thể khác, như kiện theo nhóm, kiện thử nghiệm. Khởi kiện tập



thể là các vụ kiện cho phép liên kết các lợi ích nhỏ lẻ của những người tiêu dùng có quyền lợi bị thiệt hại để hình thành một lợi ích lớn hơn, tương xứng với các chi phí mà việc kiện tụng có thể tạo ra. Trong các vụ kiện tập thể, các thủ tục pháp lý sẽ chỉ do một nhóm nguyên đơn hoặc luật sư đại diện tiến hành. Đây chính là điều kiện để khắc phục tâm lý ngại đầu tư thời gian, công sức, tiền bạc để theo đuổi vụ kiện. Khi khởi kiện tập thể thành công, nhiều người tiêu dùng được bồi thường thiệt hại đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng quan trọng hơn, những vụ kiện tập thể sẽ gây tiếng vang, tạo tiền lệ bắt buộc nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ tuân thủ pháp luật tốt hơn. Khi đó, chi phí quản lý thị trường của nhà nước, cũng như thiệt hại vật chất của xã hội sẽ giảm, góp phần tăng hiệu quả của nền kinh tế. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung thêm các hình thức khởi kiện tập thể mới của người tiêu dùng để người tiêu dùng có nhiều lựa chọn liên kết lợi ích khi khởi kiện.

*Thứ hai*, pháp luật Việt Nam không có các quy định nguyên tắc đối với cách tính phí luật sư trong các vụ kiện liên quan đến người tiêu dùng. Việc thiếu các quy định này cũng có thể coi là một lỗ hổng pháp luật nếu như các nhà lập pháp Việt Nam thực sự theo đuổi mô hình tố tụng tập thể như ở một số nước châu Âu, vì ở nhiều nước, cách tính phí luật sư theo tỉ lệ phần trăm giá trị bồi thường trong các vụ kiện tập thể bị cấm vì cho rằng đây là kẽ hở để các luật sư có thể trục lợi từ vụ kiện của thân chủ [27, tr. 53-58]. Đối với các vụ kiện tập thể bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, do ảnh hưởng xã hội lớn vì có nhiều nguyên đơn tham gia, kinh nghiệm các nước cho thấy cần có các quy định chi tiết về nguyên tắc tính phí luật sư, ví dụ như chi phí luật sư trong vụ kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nên được miễn, hoặc trả ở mức đủ bù đắp các chi phí trong quá trình tố tụng, hoặc phí luật sư theo thỏa thuận trước trong hợp đồng dịch vụ, để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng, coi đây là một vấn đề cần được Nhà nước và toàn xã hội hỗ trợ.

### ***3.4.3. Toà án riêng cho người tiêu dùng***

Về phương thức tố tụng tại Toà án, Luật Việt Nam quy định thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc về Toà án. Trong khi đó, vấn đề xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng nói chung và người tiêu dùng thực

phẩm nói riêng hiện nay đang diễn ra ngày càng phổ biến. Chủ thể khởi kiện là người tiêu dùng – với tính chất là những chủ thể đơn lẻ, hoặc tổ chức xã hội bảo vệ người tiêu dùng – một tổ chức tương đối độc lập và chỉ mang tính chất đại diện cho người tiêu dùng hoặc tập thể người tiêu dùng luôn mong muốn được giải quyết yêu cầu của mình một cách đơn giản và nhanh chóng nhất. Do đó, cần xem xét lập riêng một Tòa án Bảo vệ người tiêu dùng, chuyên xét xử các vụ án dân sự liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng<sup>12</sup>. Ở đó, nếu người tiêu dùng thấy quyền lợi của mình xâm phạm, họ chỉ cần nộp đơn đến Tòa này là đủ, không phải tuân theo một trình tự, thủ tục tại Tòa án thông thường như hiện nay, mặc dù đó đã là thủ tục rút gọn[29]. Nếu tòa này được thành lập sẽ khuyến khích các phản hồi của người tiêu dùng, tránh thủ tục phiền hà, tốn kém, quá tải và giảm áp lực trách nhiệm đối với cơ quan quản lý.

So sánh với một số nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Philippines hay Singapore thì bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng luôn được Chính phủ đặt lên hàng đầu và có những chính sách tối ưu nhất cho việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến người tiêu dùng. Ở Malaysia hay Singapore cũng có một tòa án riêng chuyên xử về những vụ việc liên quan tới người tiêu dùng, chỉ có một thẩm phán xét xử nhưng họ xử rất nhanh và quyết định của tòa có hiệu lực ngay[32, tr. 12]. Do đó, đề xuất này là phù hợp với xu hướng quốc tế.

### **3.5. Chế tài xử phạt hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm**

#### **3.5.1. Chế tài dân sự**

Bộ luật Dân sự 2005 đã đưa ra quy định chung về xác định chế tài dân sự đối với chủ thể có hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng. Trong đó, nổi bật nhất là chế tài bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng. Hầu hết các vi phạm của thương nhân trong lĩnh vực ATVSTP gây ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng. Đây là loại thiệt hại nặng nề hơn rất nhiều so với thiệt hại vật

---

<sup>12</sup> Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 đã từng có ý kiến đề xuất thành lập một Tòa án riêng hoặc Trung tâm Trọng tài riêng bảo vệ người tiêu dùng nhưng cuối cùng vẫn chưa được ghi nhận trong Luật.

chất, và cần được thương nhân vi phạm nghiêm chỉnh thực hiện khi đã có quyết định áp dụng của Tòa án, nhằm bù đắp kịp thời những tổn thất đã gây ra cho người tiêu dùng thực phẩm. Tuy nhiên, có một hạn chế của chế tài bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng đó là luật chưa xác định rõ được trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các chủ thể trong khâu liên thông sản xuất, phân phối, cung ứng thực phẩm đến tay người tiêu dùng, gây khó khăn cho việc quy trách nhiệm đối với từng chủ thể khi có vi phạm xảy ra. Bên cạnh đó, chế tài dân sự liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP chỉ nằm trong các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 – vốn là đạo luật chung điều chỉnh các vi phạm trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Do đó, các chế tài này chưa mang tính chuyên biệt và không thực sự phát huy hiệu quả khi áp dụng để xử lý các hành vi vi phạm của thương nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Pháp luật cần bổ sung các điều luật riêng trong Bộ luật Dân sự về chế tài dân sự nhằm xử lý vi phạm trong lĩnh vực quyền lợi người tiêu dùng và ATVSTP. Nội dung của các điều luật này bao gồm tất cả những biện pháp có thể được áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật, điều kiện và cách thức áp dụng. Trong đó làm rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên đới của các chủ thể từ khâu sản xuất đến phân phối thực phẩm. Các trách nhiệm khác như buộc chấm dứt hành vi, buộc thực hiện nghĩa vụ nên được quy định theo hướng đó là nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu chủ thể vi phạm đương nhiên phải thực hiện dựa trên thực tế khách quan và chuẩn mực đạo đức xã hội. Quyền quyết định thuộc về cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứ không phụ thuộc vào thoả thuận của các bên. Điều này xuất phát từ đặc điểm người tiêu dùng không có nhiều cơ hội để thoả thuận với thương nhân trong giao dịch mua bán thực phẩm nên việc tồn tại một thoả thuận giữa thương nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng thực phẩm là rất hiếm có.

### ***3.5.2. Chế tài hành chính***

Từ thực trạng các chế tài hành chính của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP còn nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau

và chưa có những hướng dẫn chi tiết gây khó khăn cho việc quy trách nhiệm cũng như cơ sở pháp lý để giải quyết. Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần ban hành một văn bản mới bổ sung các hành vi vi phạm hành chính đã bị lược bỏ nêu trên, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm của thương nhân đối với quyền lợi người tiêu dùng.

### **3.5.3. Chế tài hình sự**

*Thứ nhất*, quy định chế tài hình sự đối với pháp nhân.

Quan điểm về việc không truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân ở nước ta trong thời gian qua chịu ảnh hưởng nhiều bởi hệ thống pháp luật hình sự của các nước Xã hội chủ nghĩa, nhất là của Liên Xô cũ, hơn nữa trong thời gian dài trước đây, các vi phạm pháp luật do pháp nhân thực hiện chưa phổ biến và chưa tới mức nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Hiện nay, do mặt trái của nền kinh tế thị trường kết hợp với tâm lý hưởng thụ, lối sống thực dụng, tìm kiếm lợi nhuận là trên hết đã khiến cho không ít doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật. Nhiều hành vi vi phạm pháp luật có tính chất và mức độ nguy hiểm đáng kể cho xã hội do các pháp nhân thực hiện, trong đó có các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm. Do vậy, thực tiễn đã đặt ra vấn đề về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP của pháp nhân đang diễn ra phổ biến và có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội chính là điều kiện cơ bản nhất để quy định trách nhiệm hình sự cho pháp nhân. Mặc dù theo quy định hiện hành trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khi pháp nhân có hành vi vi phạm thì Nhà nước có thể áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên các biện pháp trách nhiệm pháp lý này chưa đủ sức mạnh cưỡng chế cần thiết, mức xử lý vi phạm hành chính hiện nay chưa có tính răn đe mạnh mẽ đối với các pháp nhân cũng như người đại diện của pháp nhân[31]. Do vậy cần phải áp dụng trách nhiệm hình sự cho pháp nhân, cho dù chỉ có thể áp dụng phạt tiền đối với pháp nhân, tương tự như phạt tiền trong trách nhiệm hành chính và dân sự, nhưng tính chất của phạt tiền là hình phạt trong trách nhiệm hình sự sẽ có tính cưỡng chế nghiêm khắc hơn so với phạt tiền trong trách nhiệm dân sự; hậu quả pháp lý mà pháp nhân phải

gánh chịu cũng nặng nề hơn, nên hiệu quả của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân sẽ cao hơn. Cần phải coi pháp nhân là chủ thể của loại tội phạm này thì Nhà nước mới có thể kiểm soát được hành vi vi phạm pháp luật của pháp nhân và bảo vệ người tiêu dùng thực phẩm tốt nhất.

*Thứ hai*, một số hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền lợi người tiêu dùng mới phát sinh và đang diễn ra khá phổ biến, gây hậu quả nghiêm trọng nhưng chưa được quy định trong pháp luật hình sự. Đáng chú ý nhất hiện nay là hành vi sản xuất, nhập khẩu hàng hóa kém chất lượng, hàng hóa chứa chất cấm, chất độc gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe con người. Nhiều sản phẩm mà người tiêu dùng, trong đó có chúng ta sử dụng hàng ngày đang chứa đựng nguy cơ gây hại cho tính mạng, sức khỏe và hầu hết đều được nhập với giá rẻ từ bên kia biên giới hoặc được sản xuất trong nước. Chất lượng an toàn thực phẩm, hàng hóa đang là vấn đề đáng báo động trong xã hội, nhưng pháp luật hình sự dường như vẫn đứng ngoài cuộc. Mặc dù trong luật đã quy định tội vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm nhưng thực tế hầu như không có vụ việc nào bị xử lý hình sự nếu chưa gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người tiêu dùng, trong khi hậu quả của việc sử dụng hàng kém chất lượng, hàng độc hại thường diễn ra trong một thời gian tương đối dài; sự suy giảm sức khỏe của người tiêu dùng diễn ra từ từ và đến khi hậu quả thiệt hại xảy ra thì rất khó để quy kết nguyên nhân. Nhiều vụ việc sản xuất và nhập khẩu thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm độc hại không đảm bảo an toàn cho người sử dụng đã được công bố công khai nhưng không xử lý được do chưa có chế tài hình sự.

Tác giả cho rằng, vấn đề tội phạm hóa hành vi sản xuất và nhập khẩu thực phẩm kém chất lượng, hàng độc hại gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe con người; cung cấp thực phẩm có tính gian lận, phải được ghi nhận trong các quy định về tội phạm của pháp luật hình sự. Điều này thể hiện tầm quan trọng của vấn đề ATVSTP đối với người tiêu dùng, là sự nhận thức của Nhà nước đối với việc nâng cao sự bảo vệ đối với người tiêu dùng thực phẩm.

*Thứ ba*, khách thể của tội phạm xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng về cơ bản giống như khách thể của tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe và xâm phạm sở

hữu, nhưng nó phát sinh trong quan hệ tiêu dùng - một quan hệ đặc thù, đồng thời có những khác biệt về đối tượng tác động và mục đích, động cơ thực hiện tội phạm cũng không phải là xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác. Trong khoa học pháp lý có đề cập đến khái niệm về các tội phạm xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng, nhưng trong công tác lập pháp hình sự truyền thống thì các tội phạm này không được quy định tập trung trong một chương mà nằm phân tán, rải rác trong các chương khác nhau của Bộ luật Hình sự hiện hành nên thực tế những tội phạm này mới chỉ được nghiên cứu, xem xét ở góc độ là các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. [22, tr. 38]

Quan điểm của tác giả là cần phải thay đổi quan điểm lập pháp theo hướng đề cao việc bảo vệ người tiêu dùng - nhóm đối tượng đặc biệt quan trọng cần được bảo vệ trong xã hội. Trước hết cần dành riêng một chương trong Bộ luật Hình sự quy định về các tội xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng. Ở Châu Á, Nhật Bản là quốc gia đã dành một chương riêng trong Bộ luật Hình sự để quy định về các tội xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng.

*Thứ tư*, hình phạt đối với các tội phạm về an toàn thực phẩm chưa đủ nghiêm khắc để đạt được mục đích trừng trị riêng và phòng ngừa chung. Ngoài tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, có mức hình phạt nghiêm khắc nhất, mức cao nhất là tử hình, thì có năm tội mức hình phạt cao nhất là mười lăm năm tù, hai tội có mức hình phạt cao nhất là bảy năm tù theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự hiện hành về Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. [32]

Tuy Bộ Luật Hình sự năm 2015 bị hoãn thi hành nhưng riêng về lĩnh vực xử lý các tội phạm vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP đã có những quy định đổi mới đáng ghi nhận. Điều 317 quy định người nào thực hiện các hành vi được liệt kê vi phạm quy định về an toàn thực phẩm thì bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm. Ngoài ra, điều luật cũng quy định phạt tù từ ba năm đến hai mươi năm, phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về ATVSTP khác như phạm tội có tổ chức, gây tổn hại sức khỏe, làm chết người.

Như vậy theo Bộ luật Hình sự 2015, hoàn toàn có thể xử lý hình sự được các hành vi vi phạm về lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm, hình phạt đối với các tội phạm về xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP đã nghiêm khắc hơn. Hy vọng Bộ luật Hình sự 2015 sẽ nhanh chóng có hiệu lực để các đổi mới này phát huy tác dụng trong thực tiễn.

### **3.6. Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm**

#### ***3.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm***

*Thứ nhất*, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm

Hiện nay, nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng còn hạn chế. Nhiều Sở Công thương là cơ quan nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng này. Bên cạnh đó, việc giao chức năng quản lý này cho các đơn vị chuyên môn trong Sở cũng chưa thống nhất. Có nơi giao cho Chi cục Quản lý thị trường, nơi giao cho Phòng Quản lý Thương mại, nơi Phòng Kinh tế Đối ngoại... dẫn đến việc triển khai hoạt động thiếu đồng bộ, không thường xuyên và chưa hiệu quả [12, tr. 24]. Cần hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng từ Trung ương đến địa phương vì quyền lợi người tiêu dùng chỉ có thể được bảo vệ hữu hiệu nếu có sự tham gia tích cực và hiệu quả từ phía Nhà nước.

*Thứ hai*, quan tâm đầu tư kinh phí để nâng cao năng lực và kỹ thuật xét nghiệm, phân tích mẫu sản phẩm.

Công tác kiểm tra, giám định để kết luận sản phẩm có chứa độc tố, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng hay không, có đảm bảo thành phần chất lượng như quảng cáo hay không, có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp chứng cứ để người tiêu dùng thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và khởi kiện ra tòa án. Các tổ chức trung gian, hòa giải cũng chỉ đưa ra được các khuyến nghị đối với các bên dựa trên các kết luận thẩm định đáng tin cậy. Hiện nay ở nước ta, hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm chưa được trang bị hiện đại và quan trọng hơn là chưa có cơ chế thuận

lợi để người tiêu dùng có thể kiểm tra chất lượng sản phẩm khi có nhu cầu. Đây cũng là một lý do khiến người tiêu dùng ít khi sử dụng quyền khởi kiện các đối tượng vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ra tòa án. Vì vậy, cần tăng cường trang bị các phương tiện, máy móc để người tiêu dùng có căn cứ phân biệt giữa sản phẩm đạt tiêu chuẩn và sản phẩm không đảm bảo chất lượng, từ đó có cơ sở để đấu tranh bảo vệ quyền lợi của chính mình.[21]

*Thứ ba*, cần một cơ quan độc lập kiểm soát an toàn thực phẩm theo kinh nghiệm từ Vương quốc Bỉ để hạn chế sự chông chéo về thẩm quyền quản lý nhà nước về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP.

Ở Bỉ, Cơ quan An toàn Thực phẩm bao gồm các bộ phận chức năng liên quan, nhưng tất cả các bộ phận này đều thuộc các Bộ khác nhau của Bỉ. Cơ quan này có nhiệm vụ kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất thực phẩm ở Bỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng Bỉ. Bỉ là thành viên của Liên minh Châu Âu nên thực phẩm của Bỉ cần đạt chuẩn mực nghiêm ngặt mà Liên minh châu Âu đề ra.<sup>13</sup>

Bỉ đã thành lập một cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm kiểm soát toàn bộ an toàn thực phẩm bao gồm tất cả sản phẩm thực vật và động vật (FASFC) trên cơ sở sáp nhập từ sáu cục chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Bộ Y tế của quốc gia này. FASFC có 50 phòng thí nghiệm, có các hệ thống giám sát theo chuỗi và chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm của Bỉ. Điều đáng học hỏi về cơ cấu tổ chức là FASFC hoạt động “độc lập” có một giám đốc chịu trách nhiệm và báo cáo trực tiếp lên Bộ trưởng, có các bộ phận chuyên trách như truyền thông, quản lý khủng hoảng, kiểm tra, kiểm toán... đều độc lập. Đặc biệt, bộ phận khoa học có 21 thành viên gồm các đại diện đến từ các trường đại học được nghiên cứu và đưa ra các đánh giá độc lập, làm cố vấn cho ban điều hành đưa ra các quyết định.

---

<sup>13</sup>Các quốc gia châu Âu khác như Thụy Điển, Pháp, Anh cũng có quy định tương tự như Bỉ. Ở Thụy Điển, cơ quan chịu trách nhiệm an toàn thực phẩm là Cơ quan Thực phẩm Quốc gia (NFA). Ở Pháp Cơ quan Thực phẩm, Môi trường, Sức khỏe và An toàn nghề nghiệp (ANSES) là cơ quan cố vấn về tiêu chuẩn và giải pháp an toàn thực phẩm. Còn tại Anh là Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm (FSA).



Nói về tính độc lập, FASFC hoạt động chỉ với 60% kinh phí từ chính phủ Bỉ, 17% do chính các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đóng góp, phần còn lại là phí dịch vụ, hỗ trợ từ EU và chính những doanh nghiệp vi phạm ATVSTP bị FASFC kiểm tra phải chi trả. Khi các doanh nghiệp chủ động thuê các đơn vị kiểm tra độc lập sẽ chỉ phải đóng phí ít hơn nhiều so với các doanh nghiệp không tự thuê kiểm tra sản phẩm. Mọi chính sách ban hành của FASFC đều phải căn cứ trên ý kiến của người tiêu dùng, các doanh nghiệp, các chuyên gia và các tiêu chuẩn của EU và thế giới. Vì vậy, hàng tháng, hàng năm, FASFC tiến hành các cuộc gặp gỡ người tiêu dùng, các doanh nghiệp, các chuyên gia, tổ chức để lắng nghe ý kiến, cũng là để cập nhật tình hình để từ đó đưa ra những quyết định sát thực tế, hiệu quả. Căn cứ các thông tin thu thập được, FASFC sẽ đánh giá rủi ro cho từng sản phẩm. Vấn đề quan trọng là FASFC phải dành được sự tin tưởng của người tiêu dùng và doanh nghiệp thì tất cả các sản phẩm được cơ quan này chứng nhận sẽ được người tiêu dùng tin tưởng và doanh nghiệp cũng bán được sản phẩm của mình[24]. Việc thành lập chỉ duy nhất một cơ quan chịu trách nhiệm ATVSTP đã giúp Bỉ phản ứng nhanh hơn, chủ động hơn trước những vấn đề phát sinh trong cuộc sống.

Ở Việt Nam hiện nay, vấn đề ATVSTP vẫn đang có nhiều Cục, Vụ chuyên môn của năm Bộ phụ trách<sup>14</sup>. Trong đó, Cục An toàn thực phẩm phụ trách chính về vấn đề kiểm soát ATVSTP trực thuộc Bộ Y tế và phối hợp với các cơ quan liên quan khác trong quá trình quản lý. Quy định như vậy vừa không đảm bảo tính độc lập cho cơ quan này, vừa gây chông chéo chức năng, nhiệm vụ, phải phụ thuộc vào nhiều cơ quan thì mới có thể giải quyết được một vấn đề. Sự không độc lập và không tập trung trong tổ chức làm cho hoạt động của các cơ quan quản lý về ATVSTP không đạt được hiệu quả tối ưu. Kinh nghiệm của Bỉ là một mô hình lý tưởng cần được các nhà làm luật và Chính phủ Việt Nam xem xét tiếp thu và áp dụng, thông qua việc nhìn nhận những đặc điểm phù hợp với điều kiện hiện nay của đất nước.

---

<sup>14</sup> Các cơ quan đó bao gồm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên môi trường và Bộ Công an.

### **3.6.2. Tổ chức xã hội về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

*Thứ nhất*, cần thay đổi các quy định về nghĩa vụ tài chính khi tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khởi kiện theo hướng giảm nghĩa vụ phải chịu các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện bằng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Có thể tham khảo từ kinh nghiệm của châu Âu nơi chính phủ trả tiền cho các vụ kiện này, hoặc Hoa Kỳ nơi các luật sư sẽ tự chịu chi phí và chỉ hưởng phần trăm số tiền phạt doanh nghiệp nếu thắng kiện.

*Thứ hai*, các quy định về hoạt động của tổ chức bảo vệ người tiêu dùng còn đơn giản làm cho nhiều hoạt động mà đáng ra phải thuộc phạm vi hoạt động của tổ chức lại không thể thực hiện vì thiếu cơ sở pháp lý. Vì vậy, cần có thêm các quy định hướng dẫn của Nghị định hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các hoạt động chuyên môn của tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ví dụ như quy định liên quan đến việc nâng cao vị thế của Hội bảo vệ người tiêu dùng, ngang bằng với các Hiệp hội ngành nghề và Hiệp hội nghề nghiệp. Quy định này tạo tiền đề cho sự tham gia của Hội bảo vệ người tiêu dùng, bên cạnh Hiệp hội ngành nghề, Hiệp hội nghề nghiệp đối với tất cả các dự án luật mà phạm vi điều chỉnh liên quan đến quyền lợi của người tiêu dùng. Tuy nhiên, khi thực hiện điều này Hội bảo vệ người tiêu dùng cần đảm bảo tính đại diện của họ cho người tiêu dùng, đảm bảo quan điểm của Hội phải là quan điểm của người tiêu dùng.

*Thứ ba*, hiện tại không có một thành lang pháp lý nào cho các tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng độc lập thành lập, hoàn toàn không phụ thuộc vào sự quản lý và quyết định của Nhà nước. Điều này gây khó khăn trong việc tự do lập hội theo nhu cầu của người tiêu dùng, dẫn tới chưa có nhiều Hiệp hội và Tổ chức xã hội dân sự hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền người tiêu dùng ở Việt Nam. Chính vì vậy, cần có một khung pháp lý, cụ thể là Luật về Hội cần được xây dựng để các Hiệp hội độc lập ra đời, đáp ứng nhu cầu thực chất của người tiêu dùng.

*Thứ tư*, pháp luật không có quy định về cơ chế để tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tự tạo ra nguồn kinh phí hoạt động. Sự thiếu sót này làm cho hoạt động của hội không đa dạng do không tự chủ được kinh phí. Cần bổ sung quy

định về vấn đề quyền lợi của tổ chức xã hội trong vụ kiện do họ đứng ra khởi kiện, đó là trường hợp thắng kiện, cho phép tổ chức khởi kiện được hưởng một phần hợp lý trong số tiền mà doanh nghiệp phải chịu bồi thường, nhằm làm tăng nguồn kinh phí cho tổ chức và tạo động lực cho hoạt động của các tổ chức này. Ngoài ra, Việt Nam cần thành lập một Quỹ bảo vệ quyền người tiêu dùng thuộc quản lý của Vinastas. Quỹ này tiếp nhận các khoản phạt doanh nghiệp vi phạm quyền người tiêu dùng mà không có địa chỉ người tiêu dùng để trả lại, chứ không phải được đưa vào ngân sách như quy định hiện hành. Quỹ bảo vệ người tiêu dùng cấp cho các Hội bảo vệ quyền người tiêu dùng sử dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, khởi kiện vì mục đích công cộng, và hỗ trợ người tiêu dùng khiếu nại, khiếu kiện.

### ***3.6.3. Công tác thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP***

Ngoài các giải pháp liên quan đến nội dung pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP, một vấn đề quan trọng cần quan tâm đó là công tác thực thi pháp luật về vấn đề này. Đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng nhất trong vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm trong thực tiễn. Để tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan có nhiệm vụ thực thi pháp luật trong vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm theo đúng nguyên tắc nhanh và hiệu quả, trước hết cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của các chủ thể tham gia thị trường

Ý thức pháp luật của các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng đắn về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, về thực hiện pháp luật và vai trò của thực hiện pháp luật. Các chủ thể tham gia thị trường phải nhận thức rõ nghĩa vụ của mình đối với người tiêu dùng; về những hậu quả pháp lý phải gánh chịu khi vi phạm. Các cá nhân, tổ chức kinh doanh thực phẩm còn phải nhận thức được rằng thực hiện trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng cũng là bảo vệ quyền lợi của chính họ và bảo vệ lợi ích chung của xã hội.

Người tiêu dùng cũng có vai trò quan trọng. Họ cần phải có ý thức pháp luật, ý thức tự bảo vệ quyền lợi của mình và lợi ích của xã hội; phải nhận thức đúng đắn và đầy đủ về các quyền của mình mà pháp luật đã ghi nhận; các cơ chế và biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình khi giao dịch với các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh có hành vi vi phạm. Trong nền kinh tế thị trường, người tiêu dùng có vị thế thượng tôn và có thể quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Điều đáng sợ nhất đối với một doanh nghiệp là sự “tẩy chay” của người tiêu dùng đối với sản phẩm của họ. Nhằm nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể trong xã hội về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, cần đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong đó, các cơ quan truyền thông cần xác minh về tính trung thực và chính xác của tính năng sản phẩm quảng cáo trước khi đăng tải; tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc cảnh báo những vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng quảng cáo không trung thực.

### **Kết luận Chương 3**

Trong bối cảnh quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ngày càng bị xâm phạm nghiêm trọng, nguyên nhân lớn nhất là do hiệu quả điều chỉnh của pháp luật chưa cao. Một trong những giải pháp hữu hiệu là tiến hành sửa đổi những quy định còn chưa phù hợp và bổ sung thêm những quy định mới trong pháp luật về vấn đề này. Việc phát hiện những hạn chế và hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP là một yêu cầu tất yếu trong hoạt động pháp luật hiện nay của Nhà nước và của toàn xã hội.

Các quan điểm của tác giả về thực trạng và đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP tập trung vào các quy định cơ bản nhất của chế định này. Bao gồm: (i) cần cụ thể hoá các điều luật về nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm; (ii) thay đổi cách thức quy định về chế định “các hành vi bị cấm” đối với nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm; (iii) vấn đề khởi kiện tập thể của người tiêu dùng thực phẩm; (iv) Các chế tài xử phạt hành vi vi phạm pháp luật và xâm phạm đến quyền lợi của người tiêu dùng thực phẩm cần đa dạng về biện pháp xử lý và nghiêm khắc hơn; (v) quy định thêm những cơ chế pháp lý mới để tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức xã hội về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; và (vi) các giải pháp về tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát ATVSTP, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả đã thực hiện tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP. Qua đó đưa ra cái nhìn toàn diện nhất về chế định này trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Về cơ bản, pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP được chia làm hai bộ phận tương ứng với hai giai đoạn của quá trình thực hiện chức năng bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm.

(i) Giai đoạn thứ nhất thực hiện mục tiêu đảm bảo ATVSTP, ngăn ngừa nguy cơ quyền lợi của người tiêu dùng thực phẩm bị xâm phạm. Ở giai đoạn này, Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010 đóng vai trò chủ đạo thông qua các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đảm bảo ATVSTP đối với mọi loại thực phẩm được phép sản xuất và lưu thông trên thị trường; nghĩa vụ, các hành vi bị cấm đối với nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong vấn đề đảm bảo ATVSTP, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(ii) Giai đoạn thứ hai là quá trình xử lý hậu quả pháp lý do hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP gây ra. Các hậu quả pháp lý đó bao gồm bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng thực phẩm và xử lý vi phạm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các đạo luật được sử dụng chủ yếu để điều chỉnh vấn đề này là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các dẫn chiếu đến Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự hiện hành và một số quy định liên quan đến xử phạt hành chính.

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực ATVSTP ở nước ta hiện nay chưa hoàn thiện về nội dung pháp luật và chưa đạt tính khả thi cao trong thực tiễn áp dụng. Tuy nhiên tác giả tin tưởng rằng trong tương lai, Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền, cùng với sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân, sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung các thiếu sót trong pháp luật, hướng tới việc tạo nên được một hành lang pháp lý hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng thực phẩm, mang lại niềm tin cho người tiêu dùng và trật tự an toàn cho xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2005;
2. Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;
3. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
4. Hiến pháp năm 2013;
5. Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
6. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010;
7. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007;
8. Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27-10-2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng;
9. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25-04-2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
10. Nguyễn Thị Vân Anh (2012), *Vai trò của Hội bảo vệ người tiêu dùng trong việc bảo vệ người tiêu dùng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
11. Nguyễn Thị Vân Anh – Nguyễn Văn Cương (2012), *Giáo trình Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
12. Bộ Tư pháp (2008), *Cơ chế pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Báo cáo phúc trình đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội;
13. Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương (2006), *Sổ tay công tác bảo vệ Người tiêu dùng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
14. Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương, *Hướng dẫn của Liên hợp quốc về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng - Bản dịch tài liệu “The United Nations Guidelines on Consumer Protection (as expanded in 1999)”*;
15. Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương (2008), *Báo cáo nghiên cứu chuyên đề “So sánh luật bảo vệ người tiêu dùng một số nước trên thế giới – bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nội dung cơ bản trong dự thảo luật bảo vệ người tiêu dùng của Việt Nam”*, Hà Nội;
16. Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương (2008), *Báo cáo nghiên cứu chuyên đề “Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: thực trạng Việt Nam, kinh*

*nghiệm quốc tế và định hướng hoàn thiện*”, Hà Nội;

17. Nguyễn Văn Cương, *Một số vấn đề xây dựng luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử, <http://www.nclp.org.vn>;
18. Ngô Vĩ Bạch Dương (2010), *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong pháp luật cạnh tranh*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 17 (178), tr. 37-42;
19. Ngô Vĩ Bạch Dương (2014), *Nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 08 (263), tr. 20-22;
20. Lê Hồng Hạnh (2010), *Trách nhiệm sản phẩm và việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong pháp luật Việt Nam*, tài liệu Hội thảo Pháp ngữ khu vực “Bảo vệ người tiêu dùng từ hai góc độ Á – Âu, Hà Nội;
21. Minh Huệ, *Tăng cường thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Viet-nam-tren-duong-doi-moi/2015/36671/Tang-cuong-thuc-thi-phap-luat-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu.aspx>, ngày 14/12/2015;
22. Đinh Thế Hùng (2010), *Bảo vệ người tiêu dùng bằng pháp luật hình sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10 (171), tr. 38;
23. Tưởng Duy Lượng, *Vai trò của Tòa án trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, <https://thongtinphapluatdansu.com/2008/06/28/286008/>, ngày 28/06/2008;
24. MUTRAP, *Cần một cơ quan độc lập kiểm soát an toàn thực phẩm*, <http://mutrap.org.vn/index.php/vi/tin-tuc/tin-khac/499-can-mot-co-quan-doc-lap-kiem-soat-an-toan-thuc-pham>, ngày 13/05/2016;
25. Chu Đức Nhuận (2008), *Vấn đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 214, tr. 35-42;
26. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, *Hiệp định về Các biện pháp Kiểm dịch động thực vật*, <http://www.trungtamwto.vn/wto/hiiep-dinh-ve-cac-bien-phap-kiem-dich-dong-thuc-vat>, ngày 23/12/2009;
27. Quách Thúy Quỳnh (2013), *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bằng các vụ kiện tập thể - kinh nghiệm nước ngoài và các gợi ý hoàn thiện pháp luật*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16 (248), tr. 53-58;



28. Đinh Thị Hồng Trang (2014), *Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 12 (273), tr. 10-14;
29. Thanh Tùng, *Nên có cơ quan riêng để giải quyết tranh chấp liên quan đến người tiêu dùng*, <https://luatminhkhue.vn/kien-thuc-luat-hinh-su/nen-co-toa-an-rieng-bao-ve-nguoi-tieu-dung-.aspx>, ngày 26/10/2015;
30. Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hợp Quốc được thông qua ngày 10/12/1948 tại Paris, Pháp.
31. Dương Anh Văn, *Pháp luật hình sự về xử lý các tội xâm phạm quyền lợi của người tiêu dùng - thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, [http://hue.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p\\_page\\_id=1&p\\_cate\\_id=1751909&item\\_id=112891609&article\\_details=1](http://hue.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p_page_id=1&p_cate_id=1751909&item_id=112891609&article_details=1), ngày 03/08/2015;
32. Viện Khoa học pháp lý (2007), *Cơ chế pháp lý bảo vệ người tiêu dùng: thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*, Thông tin khoa học pháp lý số 5+6/2007; tr. 12;
33. Lê Ngọc Uyên, *An toàn thực phẩm và quyền lợi người tiêu dùng*, <http://baodatviet.vn/dien-dan-tri-thuc/an-toan-thuc-pham-va-quyen-loi-nguoi-tieu-dung-3295190/>, ngày 20/12/2015;
34. *Consumers International* <http://www.consumersinternational.org/>.
35. *Consumers' Rights and Obligations-The Australian Consumer Law*, [https://www.accc.gov.au/business/treating-customers-fairly/consumers-rights-obligations](https://www.accc.gov.au/business/treating-customers-fairly/consumers-rights-obligations;);
36. *Consumer Union* <http://www.consumersunion.org/>.
37. *Regulation (EC) No 852/2004 of the European Parliament and of the Council*, Official Journal of the European Union, <http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2004:139:0001:0054:en:PDF>;
38. *Regulation (EC) No 853/2004 of the European Parliament and of the Council*, Official Journal of the European Union, <http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2004:139:0055:0205:en:PDF>;